

Số: 76/2024/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2024

NGÂN
HÀNG
THƯƠNG
NG
MAI CP
VIỆT Á

Digitally signed by
NGÂN HÀNG THƯƠNG
MAI CP VIỆT Á
ĐƠN VỊ: CHI SỞ THÀNH
PHỐ HÀ NỘI,
CHÍNH SỞ HÀNG
THƯƠNG MAI CP VIỆT
Á
OID.0.9.2342.19200300.
100.11.13857
0302936929
Reason: I am the author
of this document
Location: your signing
location here
Date: 2024.05.02 09:36
4440700
Test PDF Reader
Version: 11.0.1

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2024

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) trân trọng báo cáo đến Quý cổ đông về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM NĂM 2023

Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công thế giới đã tăng lên mức kỷ lục, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine phức tạp hơn, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu, ... ngày càng gia tăng. Tăng trưởng GDP của hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm, trong đó Mỹ tăng trưởng 2,5%, Trung Quốc tăng trưởng 5,2%, khu vực Eurozone tăng trưởng 0,5%, nền kinh tế Đức đã rơi vào suy thoái nhẹ khi GDP 2023 giảm 0,3% so với năm 2022, Anh và Nhật cũng rơi vào suy thoái kỹ thuật khi quý 3 và quý 4 năm 2023 đều ghi nhận hai quý tăng trưởng âm liên tiếp, Singapore tăng trưởng 1,1%, ...

Về lãi suất, năm 2023, Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã tăng lãi suất 4 lần lên mức đỉnh trong 22 năm qua, giữ ở mức lãi suất 5,25% - 5,5%/năm. Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) đã tăng lãi suất 6 lần liên tiếp trong năm 2023, lên mức cao kỷ lục 4% trong khi lãi suất cơ bản ở mức 4,5%. So với các Ngân hàng Trung ương lớn trên thế giới như Fed và ECB, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có sự trái chiều về mặt chính sách. Trong năm 2023, Ngân hàng Nhà nước có 4 lần giảm lãi suất điều hành, với mức giảm từ 0,5% - 1,5%, đưa mức lãi suất tái cấp vốn và lãi suất tái chiết khấu về mức lần lượt là 4,5% và 3%.

Kinh tế Việt Nam ghi nhận tăng trưởng 5,05% trong năm 2023 chỉ cao hơn tốc độ tăng trưởng của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2023 ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284 USD, tăng 160 USD so với năm 2022. CPI tăng 3,25% so với 2022, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.



Tín dụng toàn nền kinh tế tăng khoảng 13,71% so với cuối năm 2022, thấp hơn không đáng kể so với mức 14,5% của năm trước. Năm 2023, lượng tiền gửi vào hệ thống ngân hàng của cư dân và các tổ chức kinh tế đạt hơn 13,5 triệu tỷ đồng, là mức tiền gửi cao nhất trong lịch sử ngành ngân hàng. Tỷ giá trung tâm năm 2023 về cơ bản ổn định, tăng 1,1% so với 2022, nhờ việc điều hành tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước phù hợp, can thiệp ngoại tệ linh hoạt, hạn chế áp lực biến động bất thường đối với tỷ giá thị trường. Lãi suất huy động khách hàng cá nhân về mức giảm kỷ lục, mức lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng ở các ngân hàng quốc doanh và các ngân hàng thương mại cổ phần lớn chỉ quanh mức 5%. Nhìn chung, nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều khởi sắc sau giai đoạn dịch bệnh Covid-19, hệ thống tài chính đã có nhiều nỗ lực trong việc giải quyết những khó khăn nội tại nhưng sẽ phải cố gắng hơn nữa để đạt được những mục tiêu lớn hơn mà Quốc hội, Chính phủ đặt ra trong năm 2024.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Trước những khó khăn của nền kinh tế và của ngành ngân hàng nói chung, HĐQT và Ban Điều hành VAB đã chủ động lường trước và kịp thời ứng phó với diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế xã hội, đảm bảo VAB hoạt động an toàn, hiệu quả trong năm 2023. Kết thúc năm tài chính 2023, các chỉ tiêu do Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên giao tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2023 (Nghị quyết số 02) cơ bản được hoàn thành, tuân thủ các giới hạn và tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng.

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

1.1. Các kết quả tài chính năm 2023

Vốn điều lệ đạt 5.400 tỷ đồng, không thay đổi so với năm 2022. VAB không thực hiện tăng vốn điều lệ trong năm tài chính 2023.

Vốn cấp 2: Trong tháng 12/2023, VAB đã phát hành thành công 246 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ kỳ hạn 7 năm, tăng vốn cấp 2 cho ngân hàng.

Tổng tài sản đạt 112.196 tỷ đồng, đạt 99,5% so kế hoạch năm 2023 được giao tại Nghị quyết số 02, tăng 6,7% so năm 2022; Tiền gửi khách hàng và phát hành giấy tờ có giá (GTCG) đạt 87.181 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch, tăng 23,9% so năm trước; Dự nợ tín dụng đạt 69.190 tỷ đồng, (trong đó cho vay khách hàng 69.059 tỷ đồng) đạt 97% kế hoạch, tuân thủ hạn mức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) giao (10,18%).

Lợi nhuận trước thuế của VAB đạt 917 tỷ đồng giảm 17,2% so với năm 2022 (giảm 191 tỷ đồng), đạt 72% kế hoạch được giao tại Nghị quyết số 02.

Nợ xấu được kiểm soát ở mức 1.100 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ 0,07% so với năm 2022, chiếm 1,59% dư nợ cho vay của VAB.

Năm 2023 là năm thứ 2 liên tiếp VAB được xếp hạng B2 - Triển vọng phát triển ổn định do tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế - Moody's công bố.

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2023 như sau:

Đvt: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2023	% thực hiện kế hoạch năm 2023
1	Tổng tài sản	105.148	112.196	112.707	99,5%
2	Tiền gửi khách hàng và phát hành GTCG	70.359	87.181	82.149	106%
3	Dư nợ tín dụng	62.798	69.190	71.286	97%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.108	917	1.275	72%
5	Vốn điều lệ	5.400	5.400	5.400	100%
6	Tỷ lệ nợ xấu	1,52%	1,59%	<3%	Hoàn thành

1.2. Công tác Quản lý chất lượng tín dụng - xử lý thu hồi nợ

Công tác quản lý chất lượng tín dụng - xử lý thu hồi nợ được xem là một trong những công tác trọng tâm của Ngân hàng. Năm 2023, mặc dù nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, hoạt động của các doanh nghiệp, cá nhân gặp nhiều rủi ro nhưng do sớm chú trọng tập trung cho công tác giám sát tín dụng, kiểm soát rủi ro và xử lý nợ nên VAB đã duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,59%, đảm bảo tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 3% theo quy định của NHNN.

1.3. Công tác Quản trị rủi ro

VAB đã hoàn thiện và triển khai hệ thống kiểm soát nội bộ, góp phần ngăn ngừa, kịp thời xử lý các vấn đề tồn tại phát sinh. Các chỉ số hoạt động Ngân hàng được kiểm soát thường xuyên. Ngân hàng tuân thủ đầy đủ các quy định (chế độ báo cáo và thực hiện các chỉ tiêu) về quản lý an toàn hoạt động và kiểm soát rủi ro của NHNN.

Xây dựng chính sách và quy trình: áp dụng công cụ tính toán tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41 và ICAAP đáp ứng yêu cầu của NHNN về việc áp dụng Basel 2; Nâng cấp phần mềm quản lý rủi ro; Hoàn thành xây dựng quy định liên quan đến quản lý tài sản, quy trình cấp tín dụng,...

1.4. Công tác nhân sự

Năm 2023, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ủy ban Chiến lược và Ủy ban Nhân sự, công tác quản trị nhân sự toàn hàng được đặc biệt chú trọng, cụ thể:

(i) Kiện toàn bộ máy nhân sự nhằm bổ sung nguồn lực quản trị, điều hành phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo cơ sở đẩy mạnh phát triển hoạt động của Ngân hàng. Quy hoạch nguồn nhân sự quản lý thông qua các chương trình Nextgen, Talent pool.

(ii) Bổ sung cơ cấu nhân sự theo định hướng phát triển đội ngũ nhân sự kinh doanh trực tiếp, nhân sự dịch vụ khách hàng để đảm bảo phát triển kinh doanh và kiểm soát rủi ro tốt, nâng cao năng suất lao động toàn hàng.

(iii) Điều chỉnh cơ chế chính sách lương kinh doanh, lương hiệu quả công việc, tăng thu nhập bình quân của người lao động tạo động lực, khuyến khích thúc đẩy cán bộ nhân viên (CBNV) nâng cao năng suất lao động.

(iv) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách đãi ngộ, phúc lợi đối với CBNV.

(v) Tin học hóa công tác quản lý nhân sự thông qua các ứng dụng như: Quản lý chấm công ngày nghỉ, Quản lý chấm công tiền lương; triển khai xây dựng phần mềm quản lý KPIs, ...

(vi) Công tác đào tạo: Triển khai đào tạo và xây dựng tài liệu đào tạo tập trung trên phần mềm quản lý đào tạo và E – learning; Triển khai chỉ tiêu KPI đào tạo đối với CBNV toàn hàng; Xây dựng các chương trình thi đua nhằm nâng cao tinh thần học tập, làm việc, đoàn kết trong nội bộ Ngân hàng.

1.5. Công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Nâng cấp hệ thống Corebanking: Tháng 6 năm 2023, VAB đã hoàn thành việc nâng cấp hệ thống Corebanking lên phiên bản mới Oracle Flexcube 14.7, là phiên bản Oracle tiên tiến nhất hiện nay. Hoạt động nâng cấp Corebanking là hoạt động đầu tư lớn và cần thiết nhằm phục vụ yêu cầu phát triển ổn định và mở rộng linh hoạt của VAB. Với năng lực xử lý mạnh mẽ, tốc độ giao dịch trên hệ thống lõi mới nhanh và chính xác góp phần nâng cao giá trị và trải nghiệm của khách hàng về dịch vụ ngân hàng hiện đại, an toàn và bảo mật cao. Việc nâng cấp hệ thống Corebanking sẽ tạo ra những bước chuyển biến lớn trong hoạt động của VAB, thúc đẩy quá trình đa dạng hóa sản phẩm, khả năng mở rộng mạng lưới kinh doanh, gia tăng các kênh dịch vụ, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

DigitalBanking (Ngân hàng số) và thẻ: Đẩy mạnh các chương trình gửi tiền online thông qua App VAB- EZMobile; nâng cấp hệ thống thẻ; ra mắt thẻ tín dụng nội địa với nhiều tính năng vượt trội; triển khai tài khoản tự chọn 8 số và tài khoản nickname. Thường xuyên đánh giá và nâng cấp hệ thống liên quan đến an ninh thông tin và bảo mật của ngân hàng như: hệ thống phòng chống tấn công cho internet tại trụ sở chính, xây dựng chức năng cấp lại mật khẩu trên Ngân hàng số, gia tăng bảo mật và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho khách hàng.

Ứng dụng công nghệ số trong hoạt động vận hành: Phát triển các ứng dụng liên quan đến công tác quản lý nhân sự; đào tạo trực tuyến, triển khai dự án quản lý văn bản nội bộ iBPM.

1.6. Công tác phát triển mạng lưới, truyền thông thương hiệu và hoạt động cộng đồng

(i) Hình ảnh, nhận diện thương hiệu:

- Trong năm 2023, VAB đã hoàn thành bộ nhận diện thương hiệu mặt tiền và đồng bộ tại tất cả các điểm kinh doanh trên toàn quốc, nhận diện thương hiệu tại quầy tại các điểm kinh doanh.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả, cơ sở vật chất của đơn vị kinh doanh nhằm đáp ứng kịp thời việc di dời, cải tạo sửa chữa cho đơn vị, đảm bảo yêu cầu kinh doanh và phục vụ khách hàng tốt nhất.

(ii) Hoạt động truyền thông thương hiệu:

- Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu VAB nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập Ngân hàng thông qua các chương trình quảng cáo, thiện nguyện và các hoạt động cộng đồng.

- Hoạt động truyền thông thương hiệu tập trung nhận diện thương hiệu đồng nhất trên toàn hệ thống và đẩy mạnh các hoạt động truyền thông thông qua nền tảng công nghệ số Website; Fanpage Facebook; Group Facebook, Zalo.

- Tập trung xây dựng văn hóa doanh nghiệp, thương hiệu VAB thông qua các chương trình truyền thông nội bộ và khách hàng, đưa thương hiệu và văn hóa VAB đến gần hơn với công chúng.

(iii) Trách nhiệm với cộng đồng:

Ngoài việc tập trung triển khai kinh doanh, VAB cũng hướng đến các hoạt động cộng đồng như tổ chức ngày hội hiến máu với sự tham gia của đông đảo các CBNV trụ sở chính và các chi nhánh trên địa bàn Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, triển khai các chương trình thiện nguyện tại các địa bàn có đơn vị kinh doanh của Ngân hàng.

1.7. Báo cáo về kết quả phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2023

Năm 2023, VAB đã thực hiện phát hành trái phiếu riêng lẻ và đã thực hiện các thủ tục theo quy định của Luật Chứng khoán. Theo đó, đến hết ngày 31/12/2023, Ngân hàng đã phát hành 246 tỷ đồng/500 tỷ đồng trái phiếu phát hành đợt 1.

Đến ngày 05/02/2024, Ngân hàng đã hoàn thành chào bán 500 tỷ đồng và thực hiện công bố thông tin theo quy định. Cụ thể kết quả đợt chào bán như sau:

Mã trái phiếu: VABCLH233001

Kỳ hạn phát hành: 07 năm

Khối lượng trái phiếu phát hành: 5.000 trái phiếu

Tổng giá trị phát hành: 500.000.000.000 (Năm trăm tỷ đồng)

Ngày phát hành: 27/12/2023

Ngày đáo hạn: 27/12/2030

1.8. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT, Tổng Giám đốc

Được trình bày trong Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán và công bố trên website của VAB.

1.9. Báo cáo giao dịch với công ty con, người có liên quan của VAB

Được báo cáo chi tiết theo Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á 2023 và được công bố trên website của VAB.

2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2023

2.1. Về công tác của Hội đồng Quản trị đã thực hiện

- HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ theo quy định của Luật các TCTD, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VAB, đồng thời tổ chức các cuộc họp giao ban, họp đột xuất, xin ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo chỉ đạo thực hiện liên quan đến các hoạt động chính của ngân hàng.

- HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc (TGD) triển khai và thực hiện các nhiệm vụ năm 2023, bám sát các mục tiêu được ĐHĐCĐ thường niên 2023 giao. Trong đó, một số nội dung chỉ đạo trọng tâm như:

+ Các khối, ĐVKD quyết liệt triển khai các giải pháp kinh doanh hoàn thành chỉ tiêu năm 2023;

+ Hoàn thành Phương án cơ cấu lại VAB gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 để gửi bổ sung tới Cục Thanh tra, giám sát Ngân hàng 2;

+ Tiếp tục định hướng thực hiện giảm lãi suất huy động đầu vào và lãi suất cho vay phù hợp với diễn biến thị trường theo định hướng điều hành của NHNN;

+ Khối kinh doanh, ĐVKD bám sát kế hoạch kinh doanh của khách hàng, chăm sóc và đôn đốc khách hàng thanh toán nợ đúng hạn, đảm bảo việc thu nợ khách hàng đúng hạn;

+ Yêu cầu Ban TGD chỉ đạo và đôn đốc các khối Kinh doanh, ĐVKD khẩn trương và đẩy mạnh triển khai các nội dung HĐQT đã chỉ đạo về công tác tăng trưởng huy động tiền gửi không kỳ hạn theo định hướng tăng trưởng bền vững;

+ Đẩy mạnh các giải pháp thu hồi, xử lý nợ xấu;

+ Ban TGD triển khai công tác đánh giá hiệu quả công việc và đánh giá thi đua khen thưởng cuối năm 2023;

+ Hoàn thành Dự án nâng cấp Corebanking Flexcube 14.7, đánh giá hiệu quả trong ứng dụng Corebanking mới đối với việc phát triển kinh doanh và hỗ trợ công tác báo cáo quản trị;

+ Triển khai các giải pháp củng cố, đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống công nghệ thông tin của Ngân hàng;

+ Tiếp tục công tác kiện toàn bộ máy nhân sự điều hành, quản lý cấp cao.

- HĐQT thường xuyên chỉ đạo rà soát và cập nhật các quy định mới của Pháp luật để sửa đổi/ ban hành các Quy chế, Quy định một cách kịp thời, đảm bảo hoạt động của VAB luôn tuân thủ quy định của Pháp luật. Trong năm 2023, HĐQT đã ban hành, sửa đổi, bổ sung 11 Quy chế, tăng cường vai trò giám sát của HĐQT.

- Năm 2023, Hội đồng Quản trị VAB có 05 thành viên; trong đó có 01 thành viên độc lập, 01 thành viên HĐQT kiêm Phó TGD, 03 thành viên không phải là người điều hành, HĐQT đảm bảo cơ cấu thành phần tuân thủ quy định tại Điều 62 Luật Các TCTD.

- Chủ tịch HĐQT, các Thành viên HĐQT và các Ủy ban trực thuộc HĐQT đã tuân thủ các quy định và thực hiện đầy đủ trách nhiệm thường xuyên theo dõi sát sao mọi mặt hoạt động của ngân hàng, có những quyết định, chỉ đạo thuộc thẩm quyền của mình và hỗ trợ kịp thời nhằm nâng cao năng lực hoạt động, khả năng cạnh tranh, tạo tiền đề cho sự phát triển vững chắc của VAB trong năm 2024.

2.2. Xây dựng và triển khai Phương án cơ cấu lại VAB giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Nghị quyết số 02 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 về việc HĐQT được quyền chủ động, xem xét, quyết định/phê duyệt (bao gồm cả việc ký) tất cả các văn bản, tài liệu và thực hiện các hoạt động, thủ tục, nội dung để xây dựng, ban hành “Phương án cơ cấu lại VAB gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025 (“PACCL”).

Căn cứ Công văn số 2967/NHNN-TTGSNH ngày 25/4/2023 của NHNN về việc thực hiện xây dựng, phê duyệt PACCL VAB gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025. Ngày 20/12/2023 HĐQT ban hành Nghị quyết số 258M/2023/NQ-HĐQT về việc thông qua PACCL VAB giai đoạn 2021 – 2025 trình NHNN xem xét theo đúng quy định. Hiện nay, PACCL của VAB đã được NHNN tiếp nhận và đang xem xét cho ý kiến.

HĐQT tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và báo cáo NHNN về PACCL giai đoạn 2021-2025 để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; HĐQT chủ động tổ chức triển khai, thực hiện PACCL VAB giai đoạn 2021-2025, báo cáo kết quả thực hiện theo đúng chỉ đạo của NHNN; HĐQT báo cáo Đại hội đồng Cổ đông kết quả thực hiện tại các kỳ họp tiếp theo.

2.3. Cơ cấu, tổ chức bộ máy của VAB

Cơ cấu tổ chức quản lý của VAB theo mô hình Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc; tuân thủ quy định tại khoản 1 điều 32 của Luật các Tổ chức tín dụng và điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. Bộ máy hoạt động của VAB gồm các đơn vị chức năng, tham mưu, giúp việc trực thuộc Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;

Bộ máy hoạt động của VAB đã và đang hoạt động hiệu quả, hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh của VAB cũng như đảm bảo quản trị rủi ro trong hoạt động. Hội

đồng Quản trị chỉ đạo Tổng Giám đốc thường xuyên tổ chức đánh giá, kiện toàn bộ máy điều hành phù hợp với quy mô hoạt động, định hướng phát triển của VAB từng thời kỳ đồng thời nâng cao hiệu suất lao động, tăng cường quản trị và kiểm soát rủi ro hoạt động.

2.4. Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT

Hội đồng Quản trị VAB có các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc (Ủy ban Nhân sự, Ủy Ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Chiến lược, ...); các Ủy ban, Hội đồng có vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc ra quyết định về từng lĩnh vực cụ thể.

Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc quản lý chuyên biệt theo từng lĩnh vực và các thành viên HĐQT được phân công phụ trách giám sát, quản lý, hoạt động tích cực và hiệu quả. Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc họp định kỳ, đột xuất theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban, Hội đồng để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền cũng như tham gia giám sát hoạt động theo phân công các lĩnh vực, tuân thủ quy định của pháp luật và VAB.

2.5. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ các thành viên HĐQT

Các thành viên HĐQT: Ông Phương Thành Long, ông Phan Văn Tới, ông Trần Tiến Dũng, ông Nguyễn Hồng Hải đều hoàn thành tốt vai trò thành viên HĐQT của mình, hoàn thành các nhiệm vụ được HĐQT phân công phụ trách, quản lý, thực hiện tốt vai trò của thành viên HĐQT trong các Ủy ban trực thuộc HĐQT.

Thành viên HĐQT độc lập: Ông Lê Hồng Phương hoàn thành tốt công việc được giao, đảm bảo tính độc lập của mình trong thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo Ngân hàng hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật cũng như Điều lệ của Ngân hàng, phù hợp với chủ trương và định hướng đã đề ra của ĐHĐCĐ và HĐQT.

2.6. Đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT

Tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 được tổ chức vào ngày 28/4/2023, ĐHĐCĐ VAB đã bầu cử HĐQT gồm 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập cho nhiệm kỳ 2023-2028.

Thành viên HĐQT độc lập đánh giá cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của HĐQT, HĐQT luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ cũng như các quy định nội bộ của VAB. Đồng thời, HĐQT kịp thời ban hành các Nghị quyết, Quyết định, để triển khai hiệu quả Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023, góp phần tích cực vào kết quả hoạt động chung của ngân hàng. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT đều được đưa ra thảo luận và biểu quyết công khai ngay tại phiên họp. Thông tin về công tác điều hành luôn được HĐQT tiếp cận và định hướng xử lý.

Các Thành viên HĐQT đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng theo đúng định hướng tại Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

1. Dự báo kinh tế năm 2024.

Năm 2023, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua không ít khó khăn dù cuối năm mở ra hy vọng khởi sắc từ những tín hiệu phục hồi. Năm 2024, Quốc hội đặt mục tiêu tăng trưởng 6 - 6,5%, đây thực sự là thách thức lớn khi vẫn còn đó những áp lực và rủi ro cần theo dõi thêm. Các tổ chức quốc tế như World Bank, Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), ... đều hạ triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 xuống thấp hơn so với năm 2023, dự báo tăng khoảng 2,4-2,9%; trong đó Mỹ - đối tác xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, được dự báo tăng trưởng chậm lại còn 1,5% so với mức 2,5% của năm 2023. Căng thẳng địa chính trị cũng tiềm ẩn nguy cơ khiến chuỗi cung ứng bị gián đoạn, làm giá năng lượng, chi phí vận chuyển tăng cao, gây khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất của Việt Nam.

Những yếu tố hỗ trợ chính cho tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2024 sẽ đến từ: (1) chính sách tiền tệ và tài khóa mở rộng; (2) lãi suất cho vay giảm mạnh hỗ trợ phục hồi phục hồi lĩnh vực đầu tư tư nhân, tiêu dùng trong nước và hoạt động sản xuất kinh doanh; (3) Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng GDP năm 2024. Nhiều tổ chức quốc tế đã đưa ra dự báo về kinh tế Việt Nam năm 2024. Trong đó, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo GDP của Việt Nam trong năm 2024 tăng 5,8% và nằm trong nhóm 20 nền kinh tế tăng trưởng cao nhất thế giới; Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ lên mức 6% vào năm 2024; Ngân hàng Thế giới (World Bank) cho rằng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2024 sẽ là 5,5%; Hãng xếp hạng tín nhiệm Fitch Ratings dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ đạt 6,3% vào năm 2024.

2. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2024

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm 2023, định hướng hoạt động năm 2024 của HĐQT sẽ tập trung vào các nội dung sau:

(i) Chỉ đạo triển khai công tác quản trị điều hành, phát triển kinh doanh trên cơ sở tuân thủ Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 15/01/2024 của NHNN về triển khai nhiệm vụ ngành Ngân hàng năm 2023, điều hành chính sách tiền tệ của Chính phủ, NHNN và Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 15/01/2024 của NHNN về đẩy mạnh chuyển đổi số và đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động Ngân hàng;

(ii) Tiếp tục thực hiện chiến lược dài hạn cơ cấu danh mục nguồn vốn, tăng trưởng nguồn vốn giá rẻ/tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và số lượng tài khoản thanh toán để góp phần cải thiện các chỉ số NIM, CIR, ROE, giảm chi phí huy động vốn góp phần giảm lãi suất cho vay hỗ trợ khách hàng vay vốn;

(iii) Từng bước thực hiện chuyển dịch cấp tín dụng cho khách hàng theo định hướng tập trung phân khúc khách hàng cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp siêu nhỏ và doanh nghiệp vừa và nhỏ;

(iv) Triển khai chuyển đổi mô hình kinh doanh, tăng cường các giải pháp kinh doanh tối ưu tập trung nâng cao chất lượng hình ảnh, triển khai các chương trình nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Chú trọng phát triển sản phẩm dịch vụ ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, tăng cường thu phí dịch vụ trên cơ sở mục tiêu chỉ tiêu thu phí dịch vụ tiệm cận với tỷ lệ của ngành Ngân hàng;

(v) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thanh toán nội bộ kết nối thông suốt với hệ thống thanh toán bù trừ điện tử tự động, đẩy mạnh kênh giao dịch Ngân hàng hiện đại, hình thức thanh toán mới, phát triển mạnh các phương thức thanh toán điện tử hiện đại;

(vi) Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng quan hệ giao dịch với các đối tác chiến lược là tổ chức, định chế tài chính nước ngoài và đối tác triển khai chiến lược ngân hàng số;

(vii) Đẩy mạnh công tác xử lý, thu hồi nợ xấu, ngăn ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh nhằm đảm bảo tỷ lệ nợ xấu đạt mức dưới 3% theo định hướng điều hành của NHNN;

(viii) Thực hiện lộ trình tăng vốn Điều lệ và niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán theo mục tiêu kế hoạch năm 2024 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;

(ix) Tiếp tục đẩy mạnh chương trình chuyển đổi số và chiến lược phát triển Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, hoàn thành triển khai Đề án 06 theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ ứng dụng dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ cho nghiệp vụ Ngân hàng;

(x) Kiện toàn bộ máy nhân sự, triển khai mạnh mẽ công tác phát triển nguồn nhân lực của Ngân hàng thông qua các chương trình cải thiện môi trường làm việc, các chính sách đãi ngộ CBNV có thành tích và năng suất cao, thu hút, đào tạo và giữ chân nhân tài;

(xi) Tăng cường thực hiện các chương trình văn hóa đoàn thể gắn kết văn hóa doanh nghiệp;

(xii) Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ, an ninh bảo mật, phòng chống tấn công xâm nhập mạng, hệ thống công nghệ ứng dụng trong quản trị, điều hành và hệ thống phần mềm phòng chống rửa tiền theo quy định;

(xiii) Tăng cường công tác quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ bảo đảm ngân hàng tuân thủ quy tắc đạo đức kinh doanh và chính sách, quy trình nội bộ;

(xiv) Rà soát, hoàn thiện hệ thống quy định, văn bản định chế theo hướng tuân thủ quy định của Luật các TCTD năm 2024 và trên cơ sở tối ưu quy trình, quy định nhằm đơn giản hóa quy trình, thủ tục cải thiện môi trường kinh doanh;

(xv) Đánh giá và quy hoạch lại mạng lưới Chi nhánh/Phòng giao dịch, hoàn thành cải tạo nội thất quầy giao dịch đảm bảo 100% địa điểm kinh doanh của Ngân hàng được sửa chữa khang trang theo nhận diện thương hiệu mới;

(xvi) Tổ chức triển khai thực hiện Phương án cơ cấu lại VAB gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 theo đúng chỉ đạo của NHNN, Thủ tướng Chính phủ;

(xvii) Kế hoạch tài chính - kinh doanh năm 2024.

Đvt: tỷ đồng, %

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	% Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	112.196	116.988	4,3%
2	Tiền khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	87.181	92.027	5,6%
3	Dư nợ tín dụng (*)	69.190	77.741	12,36%
4	Lợi nhuận trước thuế	917	1.058	15,4%
5	Vốn điều lệ	5.400	7.505	39%
6	Tỷ lệ nợ xấu	1,59%	< 3%	-

(*) Tăng trưởng tín dụng năm 2024 điều chỉnh linh hoạt theo hạn mức tăng trưởng tín dụng năm 2024 được NHNN giao.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024. Với mong muốn xây dựng VAB trở thành một Ngân hàng có chất lượng dịch vụ tốt, hoạt động minh bạch, an toàn, bền vững, trở thành địa chỉ uy tín và là sự lựa chọn của các đối tác và khách hàng. HĐQT cùng Ban TGD và toàn thể CBNV VAB cam kết nỗ lực thực hiện thành công định hướng phát triển đã xây dựng. Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, ủng hộ và hợp tác thường xuyên của các Quý Cổ đông.

Trân trọng báo cáo và kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HQĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHƯƠNG THÀNH LONG

Số: 15 /2024/BC-BKS

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2024

NGÂN
HÀNG
THƯƠNG
NG
MAI CP
VIỆT Á

Digitally signed by
NGÂN HÀNG THƯƠNG
MAI CP VIỆT Á
DN: CN=VN, SN=THA01
PHO HÀ NỘI,
CN=NGÂN HÀNG
THƯƠNG MAI CP VIỆT
Á
C=VN, O=9.2342.19200300
100.1.1+MST:
0302063895
Reason: I am the author
of this document
Location: your signing
location here
Date: 2024.05.02 09:36:
S4W7DZ
Foxit PDF Reader
Version: 11.0.1

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng 2017 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Căn cứ Báo cáo của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á về kết quả hoạt động năm 2023 và định hướng năm 2024;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2023 của Ngân hàng TMCP Việt Á đã được kiểm toán;
- Căn cứ tình hình hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB).

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị (HDQT), kết quả kinh doanh Tổng Giám đốc (TGD) và hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) trong năm 2023 như sau:

I. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các chỉ tiêu kinh doanh của VAB năm 2023.

Ban Kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và thống nhất xác nhận kết quả như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2023 của Ngân hàng đã trình bày đầy đủ, trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con đến thời điểm 31/12/2023. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính phù hợp với quy định Ngân hàng Nhà nước (NHNN), chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán áp dụng cho các Tổ chức tín dụng (TCTD) tại Việt Nam và các quy định hiện hành.

- Một số chỉ tiêu kinh doanh chính trên bảng cân đối kế toán hợp nhất kết thúc năm tài chính (ngày 31/12/2023) như sau:

+ Tổng tài sản đến 31/12/2023 đạt 112.196 tỷ đồng, đạt 99,5% so kế hoạch năm 2023 được giao tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2023 (Nghị quyết số 02).

+ Vốn huy động tổ chức kinh tế và dân cư đạt 87.181 tỷ đồng, đạt 106,1% so với kế hoạch năm 2023 được giao tại Nghị quyết số 02.

+ Dư nợ cấp tín dụng đạt 69.190 tỷ đồng, đạt 97,1% kế hoạch năm 2023 được giao tại Nghị quyết số 02; tỷ lệ tăng trưởng tín dụng năm 2023 đạt 10,18%, tuân thủ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2023 được NHNN giao tại Công văn số 1104/NHNN-CSTT ngày 24/02/2023 và Công văn số 9200/NHNN-CSTT ngày 29/11/2023.



+ Tỷ lệ nợ xấu nội bảng là 1,59%/tổng dư nợ cấp tín dụng, đảm bảo tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 3% trong cả năm 2023 theo quy định của NHNN, đạt so với kế hoạch năm 2023 được giao tại Nghị quyết số 02.

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 917 tỷ đồng, đạt 72% kế hoạch năm 2023 được giao tại Nghị quyết số 02. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 không đạt so với kế hoạch được giao, nguyên nhân chủ yếu do trong kỳ, VAB tăng trích lập dự phòng rủi ro tín dụng nhằm đảm bảo an toàn hoạt động cho Ngân hàng.

Chi tiết một số chỉ tiêu kinh doanh tại thời điểm 31/12/2023 như sau:

DVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	31/12/2023	31/12/2022	Kế hoạch 2023 theo NQ số 02	Tỷ lệ % đạt được so với kế hoạch	Tăng/giảm so với đầu năm	
						Tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
1	Vốn điều lệ	5.399,6	5.399,6	5,400	100,0%	-	0,00%
2	Tổng tài sản	112.196	105.148	112.707	99,5%	7.048	6,70%
3	Huy động TCKT và dân cư	87.181	70.359	82.149	106,1%	16.822	23,91%
4	Tổng dư nợ cấp tín dụng (*)	69.190	62.798	71.286	97,1%	6.392	10,18%
5	% Nợ xấu/tổng dư nợ cấp tín dụng	1,59%	1,52%	<3%	Đạt	0,07%	
6	Lợi nhuận trước thuế	917	1.108	1.275	72%	(191)	-17,24%

() Dư nợ cấp tín dụng: bao gồm Cho vay khách hàng và Trái phiếu doanh nghiệp.*

Như vậy, về cơ bản HĐQT và Ban TGD đã hoàn thành một số chỉ tiêu kinh doanh năm 2023 được ĐHCĐ thông qua tại Nghị quyết số 02.

II. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT và Tổng Giám đốc năm 2023.

Hội đồng Quản trị đã thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình theo Điều lệ và quy định pháp luật hiện hành. Tổng Giám đốc đã kịp thời triển khai các định hướng chiến lược, chỉ đạo của HĐQT thông qua công tác quản trị điều hành trong Ban TGD đến các Khối/Phòng nghiệp vụ và các Đơn vị kinh doanh trong toàn hệ thống.

Thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Hội đồng Quản trị tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng/quý để thực hiện nhiệm vụ và triển khai công việc của các thành viên HĐQT. Năm 2023, HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành (BDH) triển khai đầy đủ, đúng định hướng và mục tiêu kinh doanh của VAB được ĐHCĐ thông qua. Quá trình chỉ đạo hoạt động của Ngân hàng, HĐQT luôn hỗ trợ tạo điều kiện cho BDH hoàn thành kế hoạch kinh doanh, củng cố bộ máy tổ chức, nâng cao chất lượng tài sản, tăng cường quản trị rủi ro phù hợp với các quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 và Thông tư 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 (sau đây gọi chung là Thông tư 13) và đưa ra các giải pháp xử lý kịp thời đối với các tình huống có khó khăn, vướng mắc.

Hội đồng Quản trị có bộ máy giúp việc là các Ủy ban Nhân sự; Ủy ban Quản lý Rủi ro; Ủy ban Chiến lược... nhằm thực hiện vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc đưa ra các quyết định trong từng lĩnh vực cụ thể.

- Năm qua, HĐQT đã chỉ đạo BDH thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy trình, quy định nội bộ của VAB để phù hợp với tình hình thực tế nhằm đáp ứng các yêu cầu về hoạt

động quản trị điều hành theo Thông tư 13. Công tác giám sát của HĐQT, BĐH thông qua hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT và các Hội đồng thuộc BĐH.

- Tiếp tục phát triển hệ thống công nghệ thông tin để thực hiện tốt mục tiêu Ngân hàng số; đưa ra thị trường các sản phẩm số hóa tăng trải nghiệm của khách hàng như: Chuyển tiền bằng mã QRCode, hoàn thành triển khai eKYC; hoàn thành nâng cấp corebanking để hoạt động Ngân hàng an toàn, chuyên nghiệp, phù hợp với quy mô hoạt động VAB và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

III. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát.

1. Thực hiện việc kiểm tra, giám sát.

Trên cơ sở định hướng phát triển của Ngân hàng năm 2023, BKS đã triển khai công tác kiểm soát, giám sát theo chức năng của mình đối với hoạt động của HĐQT và BĐH, cụ thể:

- Giám sát việc thực hiện triển khai Nghị quyết đã được Đại hội đề ra của HĐQT và BĐH.
- Giám sát, theo dõi các hoạt động của ngân hàng, phát hiện và thông báo kịp thời những tồn tại, bất cập trong quá trình hoạt động và kiến nghị các biện pháp khắc phục.
- Thông qua hệ thống thông tin quản lý nội bộ, BKS đã giám sát việc thực hiện các quy định của NHNN liên quan đến các giới hạn, các tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn, xử lý nợ xấu, thực hiện các kiến nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng. Ngoài ra, BKS còn giám sát các hoạt động kinh doanh chính như huy động vốn, sử dụng vốn, chất lượng tín dụng, công tác quản trị điều hành của Giám đốc các Đơn vị kinh doanh....
- Ban Kiểm soát tham dự toàn bộ các phiên họp định kỳ của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của BĐH và tham gia các hội nghị triển khai hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Tại các phiên họp, BKS đã thông báo kết quả giám sát, tham gia thảo luận và có ý kiến đối với các nội dung trong cuộc họp. Đồng thời, BKS cũng đưa ra các đề xuất, kiến nghị với HĐQT, BĐH các biện pháp tăng cường kiểm soát, sửa đổi/hoàn thiện quy trình, quy định nội bộ... nhằm tuân thủ các quy định nội bộ, giảm thiểu rủi ro, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.
- Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiều hoạt động thường xuyên, đột xuất khác như: giám sát việc xin ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT trong hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành VAB; tham gia ý kiến xây dựng văn bản nội bộ của VAB.
- Rà soát để hoàn thiện hoạt động của BKS và kiểm toán nội bộ theo kết luận của Thống đốc NHNN tại Công văn số 273/TB-NHNN ngày 31/8/2023.
- Ban Kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty trực thuộc, phối hợp với kiểm toán độc lập trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ của VAB, trình Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp đại hội thường niên.
- Năm 2023, BKS đã chỉ đạo sát sao công tác kiểm toán nội bộ theo kế hoạch đã được duyệt; xem xét kết quả kiểm toán và kết quả giám sát từ xa, đánh giá kết quả khắc phục sau thanh tra, sau kiểm toán nội bộ của các Đơn vị trong toàn hệ thống.
- Trực tiếp chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ (KTNB) thực hiện kế hoạch kiểm toán hàng năm và kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo của HĐQT; chỉ đạo KTNB thường xuyên cập nhật đánh giá rủi ro tại các đơn vị kinh doanh nhằm điều chỉnh kế hoạch kiểm toán phù hợp tình hình thực tế. Ngoài các cuộc kiểm toán định kỳ theo kế hoạch, Phòng KTNB thực hiện kiểm toán đột xuất

5 - C
NG
TỔ PHÁP
T A
Ổ H A

theo chỉ đạo của HĐQT và đề nghị của Ban TGD; Hỗ trợ các đơn vị trong toàn hệ thống trong công tác thanh tra, kiểm tra của NHNN.

- Cơ chế phối hợp giữa BKS với HĐQT, BDH VAB luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ đầy đủ các quy định nội bộ của VAB và quy định pháp luật; cùng chung mục tiêu giúp VAB tăng trưởng bền vững. Mặt khác, HĐQT và BDH cũng tạo điều kiện để BKS thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của mình.

- Trong năm, BKS đã chỉ đạo KTNB xây dựng hệ thống các quy định liên quan về quy trình kiểm toán, phương pháp kiểm toán phù hợp với quy định của pháp luật nhằm hoàn thành tốt chức năng đánh giá độc lập việc tuân thủ cơ chế, chính sách, quy định nội bộ của hệ thống kiểm soát nội bộ theo Thông tư 13.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Năm 2023 là năm đầu tiên của nhiệm kỳ 2023-2028. Số lượng thành viên BKS VAB nhiệm kỳ 2023 – 2028 tuân thủ quy định tại khoản 2 điều 44 Luật các Tổ chức tín dụng (TCTD) hiện hành, bao gồm 01 Trưởng Ban, 01 Thành viên chuyên trách và 01 Thành viên BKS. Cơ cấu thành phần Ban Kiểm soát tuân thủ theo đúng quy định của Luật các TCTD. Ban Kiểm soát đã phân công phân nhiệm cho từng thành viên để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của BKS, quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS và từng thành viên BKS (theo điều 45, điều 46 Luật các TCTD; Điều 66, điều 67, điều 68 và điều 69 Điều lệ Ngân hàng). Năm 2023, BKS đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên như sau:

- Trưởng Ban Kiểm soát – Thành viên chuyên trách

✓ Nhiệm vụ được phân công: Chịu trách nhiệm chung; Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS; Trực tiếp chỉ đạo hoạt động KTNB.

✓ Đánh giá kết quả hoạt động năm 2023: Hoàn thành nhiệm vụ.

- Đối với 02 Thành viên BKS

✓ Nhiệm vụ được phân công: Giám sát hoạt động của HĐQT, BDH trong việc triển khai nghị quyết tại ĐHĐCĐ; phụ trách hoạt động KTNB; Chỉ đạo và theo dõi việc xử lý khắc phục các kiến nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng, của Phòng KTNB; Thẩm tra báo cáo tài chính của Ngân hàng theo định kỳ trình HĐQT, Đại hội; Giám sát hoạt động Công ty con của VAB; Cập nhật danh sách cổ đông lớn, thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD và những người có liên quan; Kiểm tra, giám sát các mảng nghiệp vụ khác theo phân công của Trưởng BKS.

✓ Đánh giá kết quả hoạt động năm 2023: Hoàn thành nhiệm vụ.

Các thành viên BKS đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Thành viên BKS đã tham gia giám sát hoạt động KTNB, giám sát các rủi ro trong các hoạt động nghiệp vụ, đưa ra những khuyến nghị kịp thời và cùng Ban TGD giám sát việc thực hiện các khuyến nghị đó.

IV. Kế hoạch kiểm soát năm 2024.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của BKS và kế hoạch kinh doanh năm 2024 của VAB, BKS xây dựng kế hoạch hoạt động trọng tâm trong năm 2024 như sau:

1. Thực hiện nhiệm vụ giám sát tính tuân thủ theo quy định của pháp luật, của NHNN, Điều lệ của VAB; giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT, tình hình thực hiện các kiến nghị/khuyến nghị theo yêu cầu giám sát của Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng và của Công ty kiểm toán độc lập.

2. Tiếp tục theo dõi, đánh giá việc khắc phục các kiến nghị của Cơ quan Thanh tra, Giám sát ngân hàng và định hướng hoạt động KTNB theo các nhiệm vụ trọng tâm của công tác thanh tra, giám sát được NHNN chỉ đạo.

3. Phối hợp với HĐQT tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ của VAB phù hợp theo quy định tại Thông tư 13 và Thông tư 41 của NHNN. Rà soát, xây dựng bổ sung, chỉnh sửa hệ thống văn bản nội bộ phục vụ cho hoạt động của BKS, KTNB phù hợp với quy định tại Luật các TCTD mới có hiệu lực từ ngày 01/7/2024 và các văn bản hướng dẫn.

4. Kiểm tra, giám sát các vấn đề liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định của NHNN, khuyến nghị HĐQT để tiếp tục hoàn thiện bộ máy và có biện pháp đồng bộ để phát huy hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế rủi ro, đảm bảo cho hoạt động của Ngân hàng phát triển an toàn và hiệu quả.

5. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính định kỳ theo quy định và báo cáo ĐHCĐ; Đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

6. Chỉ đạo Phòng KTNB thực hiện tốt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024, tổ chức các cuộc kiểm toán đột xuất theo yêu cầu của Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng/HĐQT và theo đề nghị của Tổng Giám đốc. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, bao gồm Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong hoạt động thanh tra giám sát, xử lý các kiến nghị sau Thanh tra, sau kiểm toán độc lập.

7. Tiếp tục kiện toàn cơ cấu nhân sự và nâng cao năng lực của KTNB phù hợp với chuẩn mực KTNB theo Thông tư 13, ưu tiên tuyển dụng kiểm toán viên công nghệ thông tin theo quy định; tổ chức tham gia các khóa đào tạo bên ngoài về hoạt động kiểm toán, quản lý rủi ro, ứng dụng công nghệ vào nghiệp vụ kiểm toán.

8. Tăng cường đào tạo nội bộ nghiệp vụ kiểm toán cho đội ngũ kiểm toán, hoàn thiện phương pháp giám sát và kiểm toán trên cơ sở nhận diện rủi ro, xác định các vi phạm, rủi ro và trách nhiệm cá nhân đơn vị, cá nhân liên quan theo yêu cầu của NHNN và chuẩn mực Basel II; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc khai thác hệ thống thông tin hỗ trợ công tác giám sát từ xa; đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong hoạt động KTNB; tự động hóa quy trình KTNB nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác KTNB tiến tới đáp ứng các yêu cầu về mô hình quản trị rủi ro hiện đại.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả giám sát hoạt động của Ngân hàng năm 2023. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính chúc Quý cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu BKS, VP.HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**


NGUYỄN KIM PHƯƠNG

Số: 77/2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2024

NGÂN
HÀNG
THƯƠNG
MAI
CP
VIỆT Á

Digitally signed by NGÂN
HÀNG THƯƠNG MAI
CP VIỆT Á
DN: C=VN, S=THÀNH
PHỐ HÀ NỘI, CHỨC VỤ
HÀNG THƯƠNG MAI
CP VIỆT Á,
O=OJSC, CN=012242.19200300,
100.1.1=MST:
100205955
Reason: I am the author
of this document
Location: your signing
position here
Date: 2024.05.02 09:37:
09+0702
Form PDF Reader
Version: 11.0.1

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017 ngày 20/11/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);
- Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2023 của VAB.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 của VAB đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Một số chỉ tiêu chính như sau:

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	BCTC Hợp nhất	BCTC Riêng lẻ
1	Tổng tài sản	112.195.863.808.294	112.129.619.689.289
2	Dư nợ tín dụng	69.189.940.694.653	69.189.940.694.653
3	Tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	87.180.868.216.940	87.187.602.598.059
4	Lợi nhuận trước thuế	916.913.359.166	888.732.543.674
5	Lợi nhuận sau thuế	744.093.651.874	711.481.545.641
6	Vốn điều lệ	5.399.600.430.000	5.399.600.430.000

(Đính kèm báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2023 của VAB và được đăng tải trên website của VAB theo quy định của pháp luật)

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua. / *Chức*

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phuong Thành Long
Phuong Thành Long

TỜ TRÌNH

V/v: *Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023*

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017 ngày 20/11/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);

- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023 của VAB.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ):

1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của VAB như sau:

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2023	916.913.359.166
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	172.819.707.292
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	744.093.651.874
4	Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5%)	37.204.682.593
5	Trích lập quỹ dự phòng tài chính (10%)	74.409.365.187
6	Trích lập quỹ khen thưởng (1%)	7.440.936.518
7	Lợi nhuận còn lại sau thuế và trích các quỹ năm 2023 [(3)-(4)-(5)-(6)]	625.038.667.576

2. Giao/ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận năm 2023 và phương án sử dụng lợi nhuận/các quỹ theo quy định của pháp luật, quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của VAB.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT. BKS;
- Lưu VP.HĐQT.



NGÂN HÀNG TMCP
VIỆT Á

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 79/2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2024

Digitally signed by
NGÂN HÀNG THƯƠNG
MẠI CP VIỆT Á
ĐƠN CHẤM SĨ THÀNH
PHỐ HÀ NỘI
CHÍNH NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CP VIỆT
Á
OID.0.9.2342.19200300.
100.1.14487
0302939595
Reason: I am the author
of this document
Location: your signing
location here
Date: 2024.05.02 09:37:
4749700
Foxit PDF Reader
Version: 11.0.1

NGÂN
HÀNG
THƯƠNG
MẠI CP
VIỆT Á

TỜ TRÌNH

V/v: **Thông qua mức thù lao năm 2023 và dự kiến mức thù lao năm 2024 của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017 ngày 20/11/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);

Hội đồng Quản trị báo cáo và kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua các vấn đề liên quan đến mức thù lao của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) như sau:

- Quyết toán mức thù lao và thưởng năm 2023 là: **9.108.390.000 đồng** (bằng chữ: chín tỷ, một trăm linh tám triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng chẵn./.)
- Phê duyệt tổng mức thù lao và thưởng dự kiến năm 2024 của các thành viên HĐQT và BKS là: **12.000.000.000 đồng** (bằng chữ: Mười hai tỷ đồng chẵn). Chi phí công vụ và chi phí khác thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của VAB.
- Tổ chức thực hiện:
 - Giao HĐQT, BKS quyết định phân bổ thù lao HĐQT, BKS theo nguyên tắc thống nhất; HĐQT thực hiện dự tính mức thù lao cho từng thành viên HĐQT theo nguyên tắc nhất trí; BKS thực hiện dự tính mức thù lao cho từng thành viên BKS theo nguyên tắc nhất trí.
 - Đại diện VAB ký kết hợp đồng với các thành viên theo quy định của Pháp luật (nếu có).

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.



Phương Thành Long

Số: 80/2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2024

NGÂN
HÀNG
THƯƠNG
MẠI
CP
VIỆT Á

Digitally signed by NGÂN
HÀNG THƯƠNG MẠI
CP VIỆT Á
DN: CN=VN, S=THÀNH
PHỐ HÀ NỘI, CN=NGÂN
HÀNG THƯƠNG MẠI
CP VIỆT Á
O=D.05.2302.19200300.
100.11-MST:
0302963895
Reason: I am the author
of this document
Location: your signing
location here
Date: 2024.05.02 09:38:
0347707
Foxit PDF Reader
Version: 11.0.1

TỜ TRÌNH

V/v: **Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017 ngày 20/11/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);

Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024 của VAB với một số chỉ tiêu chính như sau:

ĐVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	% tăng trưởng
1	Tổng tài sản	112.196	116.988	4,3%
2	Tiền gửi khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	87.181	92.027	5,6%
3	Dư nợ tín dụng (*)	69.190	77.741	12,36%
4	Lợi nhuận trước thuế	917	1.058	15,4%
5	Vốn điều lệ	5.400	7.505	39,0%
6	Tỷ lệ nợ xấu	1,59%	<3%	

(*) Dư nợ tín dụng kế hoạch năm 2024 có thể thay đổi phụ thuộc theo hạn mức tăng trưởng tín dụng do Ngân hàng Nhà nước giao.

Giao/Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện, điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024 phù hợp với tình hình thực tế, diễn biến thị trường và theo mức tăng trưởng tín dụng được Ngân hàng Nhà nước giao. HĐQT báo cáo lại Đại hội đồng Cổ đông các nội dung đã thực hiện trong kỳ họp tiếp theo.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phượng Thành Long

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính và Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ năm 2025

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng 2017 ngày 20/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 (Thông tư 39) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Quy định về kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 24/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39;

Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Việt Á.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung như sau:

1. Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán Báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng TMCP Việt Á năm 2025; cụ thể:

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC.
- Hoặc Công ty kiểm toán độc lập khác đáp ứng đủ điều kiện thực hiện kiểm toán ngân hàng theo quy định tại Điều 11 Thông tư 39.

2. Giao cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn 01 (một) công ty Kiểm toán độc lập nêu trên để thực hiện dịch vụ kiểm toán cho Ngân hàng TMCP Việt Á năm 2025 theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu BKS, VP.HĐQT (01).

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước v/v quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật hiện hành khác hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á;

Căn cứ các quy định pháp luật và quy định của Ngân hàng TMCP Việt Á có liên quan;

Căn cứ nhu cầu thực tiễn hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB).

Để nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động nhằm mục tiêu phát triển kinh doanh và đáp ứng các chỉ tiêu an toàn hoạt động của VAB; Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á (HĐQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2024, cụ thể như sau:

I. KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mức vốn điều lệ tăng thêm

- Vốn điều lệ hiện tại:

5.399.600.430.000 đồng (Năm nghìn ba trăm chín mươi chín tỷ, sáu trăm triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Trong đó, tổng số cổ phần phổ thông là: 539.960.043 (Năm trăm ba mươi chín triệu, chín

trăm sáu mươi nghìn, không trăm bốn mươi ba) cổ phần, số cổ phần ưu đãi là: 0 (không), số lượng cổ phiếu quỹ là: 0 (không).

- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá 2.105.844.160.000 đồng (Hai nghìn một trăm linh năm tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).
- Vốn điều lệ sau khi tăng 7.505.444.590.000 đồng (Bảy nghìn năm trăm linh năm tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

2. Hình thức và phương án phát hành

Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: tổng giá trị cổ phiếu dự kiến tăng thêm (theo mệnh giá): 2.105.844.160.000 đồng (Hai nghìn một trăm linh năm tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn), tương đương tỷ lệ phát hành là 39%.

(Nội dung chi tiết được trình bày tại Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 kèm theo tờ trình này).

3. Thời gian thực hiện phát hành: Thời điểm cụ thể do HĐQT quyết định dự kiến trong năm 2024 hoặc cho đến khi VAB hoàn thành các thủ tục theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ: Nguồn lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia (theo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính thời điểm 31/12/2023 của công ty kiểm toán độc lập) và quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ phù hợp với quy định pháp luật.

5. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn: (Chi tiết theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 kèm theo tờ trình này).

6. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông VAB thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 và dự kiến sau khi tăng vốn: (Chi tiết theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 kèm theo tờ trình này).

7. Đăng ký cổ phiếu, đăng ký giao dịch bổ sung

Đăng ký bổ sung cổ phiếu tại Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu được thực hiện tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) sau khi hoàn thành việc niêm yết trên sàn chứng khoán.

8. Kế hoạch sử dụng vốn và kế hoạch kinh doanh dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ.
(Thông tin chi tiết được trình bày tại Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 kèm theo tờ trình này).

II. NỘI DUNG KÍNH TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trên cơ sở các nội dung trình bày nêu trên, HĐQT kính trình Đại hội đồng Cổ đông:

1. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 với số vốn điều lệ tối đa dự kiến sau khi hoàn tất việc tăng vốn điều lệ năm 2024 là: 7.505.444.590.000 đồng (Bảy nghìn năm trăm linh năm tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).
2. Đồng thời để thuận lợi cho quá trình triển khai công việc nhanh chóng, hiệu quả, Hội đồng Quản trị kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị hiệu chỉnh/hoàn chỉnh và/hoặc phê duyệt toàn bộ Phương án tăng vốn điều lệ nêu trên (nếu phải chỉnh sửa), phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của VAB, phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của cổ đông, đồng thời tiến hành trình các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật. Bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau đây:
 - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của VAB, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
 - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên;
 - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên tại Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.
 - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện thay đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của VAB, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
 - Các nội dung, công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phượng Thành Long

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2024

PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2024

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước v/v quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật hiện hành khác hướng dẫn thực hiện;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB).

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

- Nâng cao năng lực tài chính, quy mô và chất lượng tài sản sinh lời, tăng cường khả năng đầu tư tài sản và đầu tư kinh doanh, nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ cho chiến lược mở rộng hoạt động của VAB.
- Tăng cường năng lực cạnh tranh để phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập và mở cửa lĩnh vực ngân hàng – tài chính, nâng cao khả năng chống đỡ với các rủi ro trong hoạt động và đáp ứng ngày càng tốt hơn các chỉ tiêu đảm bảo an toàn trong hoạt động.
- Mở rộng, nâng cấp hệ thống mạng lưới các Chi nhánh, Phòng giao dịch; Đầu tư vào các dự án chiến lược của ngân hàng.

II. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến

1.1. Mức vốn điều lệ tăng thêm

Vốn điều lệ hiện tại:	5.399.600.430.000 đồng (Năm nghìn ba trăm chín mươi chín tỷ, sáu trăm triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Trong đó, tổng số cổ phần phổ thông là: 539.960.043 (Năm trăm ba mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, không trăm bốn mươi ba) cổ phần, số cổ phần ưu đãi là: 0 (không), số lượng cổ phiếu quỹ là: 0 (không).
-----------------------	---

2703
AN H
GMAC
IET
PHO

Vốn điều lệ tăng thêm	2.105.844.160.000 đồng (Hai nghìn một trăm linh năm tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).
Vốn điều lệ sau khi tăng:	7.505.444.590.000 đồng (Bảy nghìn năm trăm linh năm tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

- 1.2. Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ:** Nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm lợi nhuận chưa phân phối sau khi trích lập đầy đủ các quỹ (theo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của công ty kiểm toán độc lập) và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
- 1.3. Kế hoạch thực hiện:** Thời điểm tăng vốn cụ thể do HĐQT quyết định sau khi được sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 1.4. Thời gian dự kiến hoàn thành tăng vốn điều lệ:** Trong vòng 12 tháng kể từ ngày VAB được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ.

2. Chi tiết phương án phát hành.

1	Tổ chức phát hành	Ngân hàng TMCP Việt Á.
2	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á.
3	Mã cổ phiếu	VAB.
4	Loại cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng.
5	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu.
6	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	Tối đa 210.584.416 cổ phiếu.
7	Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	Tối đa 2.105.844.160.000 đồng (Hai nghìn một trăm linh năm tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).
8	Mục đích phát hành	Tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.
9	Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu của VAB tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền.
10	Tỷ lệ thực hiện	- Tối đa 39% (phụ thuộc vào sự chấp thuận của Ngân hàng nhà nước Việt Nam). Theo đó, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 39 cổ phiếu mới.
11	Phương án xử lý cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm khi chia cho các Cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy.

12	Nguồn thực hiện	Nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm lợi nhuận chưa phân phối sau khi trích lập đầy đủ các quỹ (theo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của công ty kiểm toán độc lập) và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
13	Tổng số cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành	750.544.459 cổ phiếu.
14	Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành	7.505.444.590.000 đồng (<i>Bảy nghìn năm trăm linh năm tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn</i>).
15	Thời gian thực hiện dự kiến	Thời gian cụ thể sẽ do HĐQT VAB quyết định sau khi được NHNN và UBCKNN chấp thuận.
16	Thời gian dự kiến hoàn thành	Trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm VAB được NHNN và UBCKNN chấp thuận phương án phát hành.
17	Cam kết đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức	VAB cam kết đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Cổ phiếu phát hành mới sẽ được đăng ký lưu ký tại VSDC và đăng ký giao dịch tại hệ thống giao dịch Upcom hoặc Sở giao dịch chứng khoán theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông và tình hình đăng ký giao dịch/niêm yết chứng khoán của VAB tại thời điểm thực tế triển khai phương án tăng vốn điều lệ.

2.1. Thông tin về nguồn vốn chủ sở hữu tại báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023:

DVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2023	Số tiền sử dụng để tăng VDL
		BCTC Riêng lẻ	BCTC Hợp nhất	
I	Vốn chủ sở hữu	7.970.189.474.860	7.997.093.587.052	
1	Vốn của tổ chức tín dụng	5.399.712.500.351	5.399.712.500.351	
1.1	<i>Vốn điều lệ</i>	<i>5.399.600.430.000</i>	<i>5.399.600.430.000</i>	
1.2	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>98.600.000</i>	<i>98.600.000</i>	
1.3	<i>Vốn khác</i>	<i>13.470.351</i>	<i>13.470.351</i>	
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	497.344.121.149	508.532.089.741	
2.1	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>374.351.404.177</i>	<i>381.810.049.905</i>	
2.2	<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	<i>122.992.716.972</i>	<i>126.722.039.836</i>	

TT	Chi tiêu	31/12/2023	31/12/2023	Số tiền sử dụng để tăng VĐL
		BCTC Riêng lẻ	BCTC Hợp nhất	
3	Lợi nhuận chưa phân phối	2.073.132.853.360	2.088.848.996.960	
3.1	Lợi nhuận năm trước chưa chia	1.361.651.307.719	1.344.755.345.086	
3.2	Lợi nhuận tăng trong năm	711.481.545.641	744.093.651.874	
4	Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận	119.054.984.298	119.054.984.298	
4.1	Quỹ bổ sung vốn điều lệ	37.204.682.593	37.204.682.593	
4.2	Quỹ dự phòng tài chính	74.409.365.187	74.409.365.187	
4.3	Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	7.440.936.518	7.440.936.518	
5	Nguồn có thể sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ	2.114.275.268.627	2.133.720.735.091	2.105.844.160.000
5.1	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	1.954.077.869.062	1.969.794.012.662	1.950.000.000.000
5.2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	160.197.399.565	163.926.722.429	155.844.160.000

Như vậy, nguồn vốn còn lại có thể sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của VAB là 2.114.275.268.627 đồng (báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2023 của VAB đã được kiểm toán). Nguồn vốn để thực hiện tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không vượt quá nguồn có thể sử dụng để tăng vốn điều lệ trên báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2023 của VAB đã được kiểm toán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của VAB là nguồn lợi nhuận giữ lại sau khi VAB đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đã trích lập đủ các quỹ của Ngân hàng theo quy định và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB; đồng thời, ngay sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, VAB vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Do đó, việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của VAB đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 135 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản khác có liên quan.

2.2. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn: Chi tiết tại Phụ lục 01, 02 đính kèm.

2.3. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông VAB thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 và dự kiến sau khi tăng vốn: Phụ lục 03 đính kèm.

Thông tin, số liệu trình bày tại mục 2.2 và 2.3 của Phương án tăng vốn điều lệ 2024 tạm tính theo thông tin do Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2024 và VAB sẽ cập nhật chính xác tại thời điểm VAB chính thức thực hiện Phương án tăng vốn năm 2024 sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và nhận được thông tin danh sách từ VSDC.

III. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH SAU KHI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Bảng cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn năm 2024

DVT: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Tăng/giảm	Tỷ lệ
A	TÀI SẢN				
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	362	522	160	44,2%
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	2.150	2.300	150	7,0%
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	21.982	18.169	(3.813)	-17,3%
IV	Cho vay khách hàng (bao gồm dự phòng rủi ro)	68.312	76.891	8.579	12,6%
V	Chứng khoán đầu tư	7.416	10.636	3.220	43,4%
VI	Góp vốn, đầu tư dài hạn	83	83	-	0,0%
VII	Tài sản cố định	244	281	37	15,2%
VIII	Tài sản Có khác	11.647	8.106	(3.541)	-30,4%
	TỔNG TÀI SẢN CÓ	112.196	116.988	4.792	4,3%
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước				
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	13.884	13.080	(804)	-5,8%
III	Tiền gửi của khách hàng	86.695	90.927	4.232	4,9%
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	17	-	(17)	-100%
VI	Phát hành giấy tờ có giá	486	1.100	614	126,3%
VII	Các khoản nợ khác	3.117	3.046	(71)	-2,3%
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	104.199	108.153	3.954	3,8%
VIII	Vốn chủ sở hữu	7.998	8.835	837	10,5%
1	Vốn của tổ chức tín dụng	5.400	7.505	2.105	39,0%
	Vốn điều lệ	5.400	7.505	2.105	39,0%
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	509	464	(45)	-8,8%
3	Lợi nhuận chưa phân phối	2.089	866	(1.223)	-58,5%
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VCSH	112.196	116.988	4.792	4,3%

2. Bảng chỉ tiêu hoạt động kinh doanh và chỉ số an toàn hoạt động năm 2024.

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Tăng trưởng	
			Số tuyệt đối	Tỷ lệ (%)
1. Các chỉ tiêu hoạt động				
1.1. Vốn chủ sở hữu	7.998	8.835	838	10,5%
1.2. Vốn điều lệ	5.400	7.505	2.105	39,0%
1.3. Tổng tài sản	112.196	116.988	4.792	4,3%
1.4. Cho vay khách hàng	69.059	77.741	8.682	12,6%
1.5. Tiền gửi của khách hàng (<i>bao gồm GTCG</i>)	87.181	92.027	4.846	5,6%
1.6. Tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác	13.884	13.080	(804)	-5,8%
1.7. Lợi nhuận trước thuế	917	1.058	141	15,4%
1.8. Lợi nhuận sau thuế	744	846	102	13,8%
2. Các tỷ lệ an toàn hoạt động				
2.1. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (TT41)				
<i>Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ</i>	9,23%	≥ 8%		
<i>Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất</i>	9,27%	≥ 8%		
2.2. Giới hạn cấp tín dụng				
<i>Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng/vốn tự có</i>	11,33%	≤ 15%		
<i>Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan/vốn tự có</i>	20,39%	≤ 25%		
2.3. Tỷ lệ về khả năng chi trả				
<i>Tỷ lệ dự trữ thanh khoản</i>	13,41%	≥ 10%		
<i>Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với đồng Việt Nam</i>	78,68%	≥ 50%		
<i>Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với ngoại tệ</i>	28,73%	≥ 10%		
2.4. Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn	27,46%	≤ 30%		
2.5. Tối đa mua đầu tư trái phiếu Chính phủ so với nguồn vốn ngắn hạn bình quân tháng liền kề trước	6,09%	≤ 30%		
2.6. Giới hạn góp vốn, mua cổ phần				
<i>Mức góp vốn, mua cổ phần của VAB và các công ty con, công ty liên kết /VDL của doanh nghiệp nhận vốn góp</i>	≤ 11%	≤ 11%		
<i>Tổng mức góp vốn, mua cổ phần vào các doanh nghiệp / Vốn điều lệ và quỹ dự trữ của VAB</i>	11,61%	≤ 40%		
2.7. Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	68,37%	≤ 85%		

Ngoài các chỉ tiêu tỷ lệ bảo đảm an toàn nêu trên, VAB cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định khác của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng.

3. Khả năng quản trị, giám sát của VAB.

a. Vốn điều lệ tăng thêm đòi hỏi công tác quản trị, quản lý, giám sát của VAB cũng phải nâng lên một tầm cao mới. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát đều có uy tín, trình độ, kinh nghiệm quản trị ngân hàng và có nhiều tâm huyết, đóng góp vào sự phát triển của ngân hàng. VAB luôn đảm bảo số lượng thành viên HĐQT và thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ các mảng hoạt động của Ngân hàng nhằm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và của ngành, Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ thường trực. Với cơ chế quản trị và điều hành thống nhất, phối hợp thường xuyên và hiệu quả giữa hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong điều hành hoạt động kinh doanh là yếu tố quan trọng giúp VAB phát triển nhanh và vững chắc.

b. VAB đã thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro trực thuộc HĐQT thực hiện nhiệm vụ giám sát toàn bộ công tác quản trị rủi ro trên mọi lĩnh vực hoạt động của ngân hàng. Đồng thời, tham mưu cho HĐQT các chính sách, biện pháp khắc phục và phòng ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả công tác quản trị điều hành Ngân hàng. Ủy ban ALCO của VAB thực hiện việc quản trị rủi ro hoạt động, thanh khoản, lãi suất, đầu tư.

c. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập, có bộ phận giúp việc là kiểm toán nội bộ. Phòng Kiểm toán nội bộ kiểm tra, giám sát hoạt động của từng bộ phận nghiệp vụ/đơn vị kinh doanh và đã kiến nghị, đưa ra các ý kiến đề Ban điều hành kịp thời có các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục trong hoạt động ngân hàng.

d. Ban điều hành VAB là những người có năng lực và kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, hoạt động điều hành việc thực hiện kế hoạch kinh doanh một cách tập trung và đề ra biện pháp chỉ đạo phù hợp, kịp thời. Ngoài ra, Khối Quản trị rủi ro thực hiện việc phân tích, đánh giá và đưa ra những đề xuất cho công tác kiểm soát rủi ro của ngân hàng trong từng hoạt động nghiệp vụ.

e. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát có năng lực, đoàn kết, có ý thức chấp hành luật pháp và luôn có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn trong việc quản trị và điều hành hoạt động của VAB.

f. Hiện nay, hệ thống công nghệ thông tin của VAB đã được trang bị phần mềm lõi CoreBanking, liên tục được nâng cấp và hoàn chỉnh để đáp ứng tối đa các ứng dụng của công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng.

IV. ĐỀ XUẤT

1. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ 2024 của VAB như trên.
2. Đồng thời đề thuận lợi cho quá trình triển khai công việc nhanh chóng, hiệu quả, Hội đồng Quản trị kính đề nghị Đại Hội đồng Cổ đông ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị hiệu chỉnh/hoàn chỉnh và/hoặc phê duyệt toàn bộ Phương án tăng vốn điều lệ nêu trên (nếu phải chỉnh sửa), phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của VAB, phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của cổ đông, đồng thời tiến hành trình

các Cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật. Bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau đây:

- Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của VAB, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
- Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên;
- Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên tại Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.
- Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch (hoặc niêm yết) bổ sung toàn bộ số cổ phiếu sau khi phát hành.
- Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện thay đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ của VAB theo quy định của pháp luật.
- Các nội dung, công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Ban Tổng Giám đốc.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phường Thành Long

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CŨA CÁC CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU TĂNG VỐN

(theo danh sách Người sở hữu chứng khoán tại ngày 26/3/2024 do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp)

Stt	Tên	Địa chỉ	CMND/CCCD/HC/Mã số doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật	Trước tăng vốn			Sau tăng vốn			Ghi chú
				Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn có quyền biểu quyết hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ hiện tại (%)	Số lượng cổ phần sở hữu dự kiến (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn có quyền biểu quyết dự kiến sau tăng vốn (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ sau tăng vốn (%)	
1	Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Việt Phương		Giấy ĐKKD số 0100237852 cấp ngày 29/12/2022 tại Sở KHĐT Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Phương Minh Huệ, CCCD số cấp tại cục CS ĐKQLVTXH	65.913.130	12,21%	12,21%	91.619.250	12,21%	12,21%	

5/4

PHỤ LỤC 2

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN TỪ 20% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN ĐIỀU
LỆ THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU TĂNG VỐN**

(theo danh sách Người sở hữu chứng khoán tại ngày 26/3/2024 do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp)

Stt	Tên	Địa chỉ	CMND/CCCD/HC/Mã số doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật	Trước tăng vốn			Sau tăng vốn			Ghi chú
				Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ hiện tại (%)	Số lượng cổ phần sở hữu dự kiến (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau tăng vốn (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ sau tăng vốn (%)	
Không phát sinh										
Tổng cộng										

(Handwritten mark)

PHỤ LỤC 3

THÔNG TIN VỀ TỔNG MỨC SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI THỜI ĐIỂM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VAB THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN

(theo danh sách Người sở hữu chứng khoán tại ngày 26/3/2024 do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp)

Stt	Tên	Địa chỉ	CMND/CCCD/HC /Mã số doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật	Trước tăng vốn		Sau tăng vốn		Ghi chú
				Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết hiện tại (%)	Số lượng cổ phần sở hữu dự kiến (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau tăng vốn (%)	
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
Tổng cộng				2.421.385	0,448435	3.365.725	0,448435	0,448435

BA

TỜ TRÌNH

V/v: *Niêm yết cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á
tại Sở giao dịch Chứng khoán*

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017 ngày 20/11/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 689/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025";

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);

Căn cứ Phương án cơ cấu lại VAB gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 -2025;

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025", đến năm 2025 hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu của các ngân hàng thương mại cổ phần trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Dự báo tình hình kinh tế năm 2024 sẽ có nhiều thuận lợi, thị trường chứng khoán sẽ khởi sắc, tăng cường tính minh bạch và củng cố niềm tin của nhà đầu tư. Nhằm nâng cao uy tín, vị thế, thương hiệu của VAB; tạo thuận lợi cho việc giao dịch cổ phiếu VAB của các cổ đông; đồng thời tranh thủ cơ hội thu hút nguồn vốn đầu tư thúc đẩy hoạt động của Ngân hàng cũng như đẩy mạnh hình ảnh của VAB tới các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 thông qua các nội dung sau:

I. Thông qua việc niêm yết toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành của VAB (sau khi được các Cơ quan quản lý Nhà nước chấp thuận) tại Sở giao dịch Chứng khoán khi điều kiện thị trường thuận lợi và theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật hiện hành.

II. Giao Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để thực hiện đăng ký niêm yết cổ phiếu; tổ chức thực hiện tất cả các thủ tục và ký kết các giấy tờ liên quan đến việc hủy đăng ký giao dịch và niêm yết cổ phiếu theo quy định, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công việc sau:

1. Lựa chọn tổ chức tư vấn phù hợp theo quy định pháp luật để tư vấn niêm yết cổ phiếu (bao gồm việc tư vấn hồ sơ đăng ký niêm yết);
2. Quyết định ký kết các văn bản liên quan để thực hiện niêm yết cổ phiếu;
3. Quyết định sửa đổi, bổ sung, giải trình toàn bộ các nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc niêm yết (bao gồm các quyết định về nội dung chưa được trình bày trong tờ trình này, nếu có);
4. Quyết định giá niêm yết dự kiến (giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên) và thời điểm niêm yết cổ phiếu;
5. Quyết định thời điểm và thủ tục hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á trên hệ thống giao dịch UpCom sau khi có quyết định chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán;
6. Quyết định các nội dung khác phát sinh để hoàn tất việc thực hiện niêm yết cổ phiếu Ngân hàng Việt Á theo quy định pháp luật.

Hội đồng Quản trị sẽ báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên tại kỳ họp tiếp theo.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phường Thành Long

TỜ TRÌNH

V/v: *Niêm yết trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á phát hành ra công chúng*

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017 ngày 20/11/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng khoán”);
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (“Nghị định 155”);
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB).

Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc niêm yết trái phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á phát hành ra công chúng như sau:

1. Cơ sở pháp lý và lý do đề xuất:

- a) Theo điểm i khoản 3 Điều 15 Luật Chứng khoán: Điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng bao gồm “Tổ chức phát hành có cam kết và phải thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán”;
- b) Theo khoản 2 Điều 29 Luật Chứng khoán: “Tổ chức phát hành đã thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán”;
- c) Theo khoản 3 Điều 20 Nghị định 155 quy định Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng gồm: “Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng, thông qua việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán...”
- d) Theo khoản 1 Mục V Mẫu số 28 (Giấy đăng ký niêm yết chứng khoán) thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 155; Hồ sơ kèm theo Giấy đăng ký niêm yết chứng khoán quy định: “Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua việc niêm yết”.

Căn cứ các quy định nêu trên, các trái phiếu VAB phát hành ra công chúng sẽ phải đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán; đồng thời hồ sơ đăng ký niêm yết có bao gồm phê duyệt của ĐHĐCĐ.

Vi vậy, để triển khai phát hành trái phiếu ra công chúng và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết trái phiếu VAB phát hành ra công chúng, cụ thể theo các nội dung tại mục phía dưới đây.

2. Nội dung HĐQT đề xuất ĐHĐCĐ phê duyệt:

- a) Thông qua việc niêm yết trái phiếu do Ngân hàng TMCP Việt Á phát hành ra công chúng trong khoảng thời gian từ ngày hoàn thành tổ chức ĐHĐCĐ thường niên VAB năm 2024 đến ngày hoàn thành tổ chức ĐHĐCĐ thường niên VAB năm 2025 phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan;
- b) Giao/ Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị toàn quyền quyết định và chỉ đạo tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến việc niêm yết trái phiếu do VAB phát hành ra công chúng theo đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phường Thành Long

**NGÂN HÀNG TMCP
VIỆT Á**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 84/2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2024

**NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI
CP VIỆT Á**

Digitally signed by NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CP VIỆT Á
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ NỘI, O=NGÂN
HÀNG THƯƠNG MẠI CP VIỆT Á
OID.2.9.23.42.19.200300.100.1.1=MST:
0202909999
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2024.05.02 09:39:43+0700
Foxit PDF Reader Version: 11.0.1

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc xin phép bổ sung nội dung hoạt động, ngành nghề kinh doanh

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017 ngày 20/11/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành hành trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);

Với định hướng cung cấp cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ đa dạng, tiện ích, thân thiện, nhanh chóng và hiệu quả, Ngân hàng TMCP Việt Á cần không ngừng bổ sung và hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ của mình. Đồng thời với mục tiêu đẩy mạnh phạm vi hoạt động, không ngừng mở rộng thị trường, phát triển của VAB, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung:

Các hoạt động kinh doanh có liên quan tới hoạt động ngân hàng và các ngành nghề kinh doanh khác trên cơ sở phù hợp quy định pháp luật và hướng dẫn, chấp thuận, cho phép của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Thông qua việc sửa đổi/bổ sung/cập nhật Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp...để ghi nhận các nội dung ngành nghề kinh doanh, nội dung, phạm vi hoạt động và các thay đổi khác phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thực hiện:

1. Quyết định các vấn đề có liên quan khi thực hiện bổ sung, điều chỉnh các nội dung trên Giấy phép hoạt động phù hợp với các quy định pháp luật, yêu cầu của NHNN, các cơ quan khác và tình hình thực tế;
2. Quyết định và thực hiện các thủ tục với NHNN, cơ quan quản lý về việc bổ sung, điều chỉnh các nội dung hoạt động;
3. Quyết định và thực hiện trình Cơ quan có thẩm quyền về Đăng ký kinh doanh việc bổ sung, điều chỉnh trên Giấy phép hoạt động và các thông tin về vốn

điều lệ, các thông tin khác khi có phát sinh thay đổi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VAB;

4. Quyết định việc đăng ký sửa đổi, bổ sung các nội dung hoạt động trên Giấy phép hoạt động trong trường hợp phải sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật, yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc tình hình thực tế;
5. Cập nhập, ghi nhận nội dung hoạt động, ngành nghề kinh doanh trong Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp...khi được chấp thuận/đồng ý bởi Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phương Thành Long

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua chủ trương đầu tư góp vốn, mua cổ phần; thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017 ngày 20/11/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/07/2024.
- Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Ngân hàng TMCP Việt Á kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và phê duyệt các nội dung có liên quan đến chủ trương VAB sẽ thực hiện đầu tư góp vốn/mua cổ phần, thành lập/mua lại công ty con, công ty liên kết;... cụ thể như sau:

1. Thống nhất chủ trương VAB sẽ góp vốn, mua cổ phần, thành lập/mua lại công ty con, công ty liên kết,... để thực hiện các hoạt động kinh doanh được phép theo quy định pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan; Hình thức thực hiện và lĩnh vực tham gia:
 - a. Thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau: Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu; cho thuê tài chính; bảo hiểm.
 - b. Thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - c. Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực: Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
 - d. Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác không quy định tại điểm (c) nêu trên sau khi được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước bằng văn bản.

2. Tỷ lệ góp vốn/mua cổ phần tùy thuộc vào thỏa thuận với các bên liên quan và tối đa trong phạm vi pháp luật cho phép;
3. Giá mua: Theo cơ chế thỏa thuận trên cơ sở đánh giá hiện trạng doanh nghiệp, thỏa thuận với các bên liên quan và điều kiện thị trường;
4. Giá trị góp vốn, mua cổ phần: từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất nhưng tổng mức góp vốn, mua cổ phần của VAB vào các doanh nghiệp, kể cả các công ty con, công ty liên kết của VAB không được vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của VAB;
5. Giao cho Hội đồng Quản trị quyết định hình thức, phương thức, trình tự, giá trị đầu tư, tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần, thành lập/mua lại công ty con, công ty liên kết; tổ chức thực hiện các phương án chi tiết và báo cáo kết quả thực hiện tại ĐHĐCĐ trong kỳ họp thường niên gần nhất. HĐQT được thỏa thuận với các bên liên quan; làm việc, trao đổi, thống nhất với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và quyết định các vấn đề liên quan đến giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn việc lựa chọn doanh nghiệp mục tiêu, mức/tỷ lệ tham gia của VAB, giá và các điều kiện kèm theo; cơ cấu tổ chức, hình thức pháp lý của doanh nghiệp mục tiêu; các mô hình/cách thức hợp tác, liên kết, quyết định các nội dung giao dịch, các tài liệu do VAB ký và/hoặc tham gia để thực hiện giao dịch cũng như tất cả các vấn đề khác trong quá trình VAB tham gia đầu tư, hợp tác; quyết định sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa các phương án, vấn đề, giao dịch theo thống nhất với Cơ quan có thẩm quyền, bên liên quan, ...
6. Trong quá trình thực hiện, HĐQT được quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được giao và được phân công, phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, đơn vị, cá nhân khác trong hệ thống VAB (phù hợp theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB) để thực hiện các công việc nêu trên

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.



Phượng Thành Long

NGÂN HÀNG TMCP
VIỆT Á

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 86/2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2024

NGÂN
HÀNG
THƯƠNG
MẠI
CỔ
PHẦN
VIỆT Á

Digitally signed by NGÂN
HÀNG THƯƠNG MẠI CP
VIỆT Á
DN: C=VN, S=THÀNH
PHỐ HÀ NỘI, CN=NGÂN
HÀNG THƯƠNG MẠI CP
VIỆT Á,
O=D 19 2342 18200300,
OU 1 1=MSB,
OU 2=03695
Reason: I am the author
of this document.
Location: your signing
location here
Date: 2024.05.02 09:40:
1340700
Foxit PDF Reader
Version: 11.0.1

TỜ TRÌNH

V/v: *Giao HĐQT thực hiện một số nội dung công việc*

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017 ngày 20/11/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành hành trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);

Nhằm thuận lợi trong quá trình quản trị và triển khai các kế hoạch hoạt động đã được Đại Hội đồng Cổ đông VAB (ĐHĐCĐ) phê duyệt chủ trương, Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình ĐHĐCĐ xem xét, phê duyệt giao cho HĐQT thực hiện một số các công việc, cụ thể như sau:

1. Giao HĐQT tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và báo cáo NHNN về PACCL giai đoạn 2021-2025 để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền; HĐQT chủ động tổ chức triển khai, thực hiện PACCL VAB giai đoạn 2021-2025, báo cáo kết quả thực hiện theo đúng chỉ đạo của NHNN; HĐQT báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện tại các kỳ họp tiếp theo
2. Đồng ý cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành hiện nay của VAB và giao HĐQT có thể thực hiện điều chỉnh nếu thấy cần thiết, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của Ngân hàng và báo cáo ĐHĐCĐ tại các kỳ họp tiếp theo nếu có điều chỉnh.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
VIỆT Á
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phươg Thành Long

Số: 87/2024/TT- HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2024

NGÂN
HÀNG
THƯƠNG
NG
MAI CP
VIỆT Á

Digitally signed by
NGÂN HÀNG THƯƠNG
MAI CP VIỆT Á
DN: CN=VN, ST=HÀNG
PHỐ HÀ NỘI,
C=VIỆT NAM,
THƯƠNG MAI CP VIỆT
Á,
OID.0.9.2342.19200300
100.1.1+MST:
0000000000
Reason: I am the author
of this document.
Location: your signing
location here
Date: 2024.05.02 09:40:
29+07'00
Total PDF Reader
Version: 11.0.1

TỜ TRÌNH*V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ VAB năm 2024***Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á**

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017 (Sau đây gọi tắt là Luật sửa đổi, bổ sung Luật các tổ chức tín dụng 2017);
- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2021 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Sau đây gọi tắt là Nghị định 155/2020/NĐ-CP);
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán (Sau đây gọi tắt là Thông tư 116/2020/TT-BTC);
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á ("VAB"),

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ VAB, cụ thể như sau:

1. Mục đích sửa đổi và ban hành:

Ngày 18/01/2024, Quốc hội đã ban hành Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024, theo đó sẽ có nhiều điểm mới, thay đổi liên quan về khuôn khổ quản trị và hoạt động của ngân hàng.

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành đến thời điểm hiện tại, căn cứ yêu cầu thực tiễn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động ngân hàng, do vậy việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VAB là cần thiết dựa trên các cơ sở:

- Đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.
- Đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của công ty đại chúng (như là Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC) vì VAB cũng là một công ty đại chúng.
- Đảm bảo tuân thủ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 40/2018/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 13/2018/TT-NHNN;

2. Nội dung văn bản sửa đổi, bổ sung và ban hành mới:

- Nội dung sửa đổi các Điều/Khoản của Điều lệ: theo nội dung tại Bảng so sánh Điều lệ 2023 và sau khi sửa đổi - đính kèm Tờ trình này.

3. Nội dung trình phê duyệt của Hội đồng Quản trị:

Từ các nội dung nêu trên, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung như sau:

- Phê duyệt thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ VAB;
- Chấp thuận giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc như sau:
 - Ký ban hành Điều lệ VAB theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông 2024 thông qua tại cuộc họp;
 - Xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ VAB căn cứ trên các quy định pháp luật hiện hành giữa 02 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và/hoặc theo hướng dẫn, yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - Thực hiện công bố thông tin, đăng ký, thông báo cho các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và thông báo cho các Cổ đông VAB tại trang thông tin điện tử chính thức(website) của VAB. Đối với nội dung này, Hội đồng quản trị được quyền ủy quyền/giao lại cho Tổng Giám đốc VAB thực hiện.
- Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại Điều lệ VAB 2024 (trong trường hợp có phát sinh). *lu*

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

lu
my
Phương Thành Long

**BẢNG SO SÁNH ĐIỀU LỆ VAB
NĂM 2023 VÀ DỰ THẢO SỬA ĐỔI 2024**

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
1.	Điều 1 Khoản 3	3. “ Cổ đông lớn ” là Cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 05% (Năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB.	3. “ Cổ đông lớn ” là Cổ đông của VAB sở hữu từ 05% (Năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB, bao gồm cả số cổ phần có đồng sở hữu gián tiếp.	Sửa đổi theo Khoản 8, Điều 4, Luật các tổ chức tín dụng 2024
2.	Điều 1 Khoản 8	8. “ Công ty con ” của VAB là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) VAB hoặc VAB và người có liên quan của VAB sở hữu trên 50% (Năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (Năm mươi phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết; b) VAB có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty con; c) VAB có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con. d) VAB và người có liên quan của VAB trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.	8. “ Công ty con ” của VAB là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) VAB hoặc VAB và người có liên quan của VAB sở hữu trên 50% (Năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (Năm mươi phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó; b) VAB có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty con; c) VAB có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con. d) VAB và người có liên quan của VAB trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.	Sửa đổi theo Khoản 9, Điều 4, Luật các tổ chức tín dụng 2024
3.	Điều 1 Khoản 9	9. “ Công ty liên kết ” của VAB là Công ty trong đó VAB hoặc VAB và người có liên quan của VAB sở hữu trên 11% (Mười một phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 11% (Mười một phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của VAB.	9. “ Công ty liên kết ” của VAB là Công ty mà VAB hoặc VAB và người có liên quan của VAB sở hữu trên 11% (Mười một phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 11% (Mười một phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của VAB.	Sửa đổi theo Khoản 11, Điều 4, Luật các tổ chức tín dụng 2024



STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
4.	Điều 1	Khoản 10 10. “Luật Các tổ chức tín dụng” có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH1232/2014/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/18 tháng 6 năm 2010, Luật số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH122024, và các văn bản luật sửa đổi, bổ sung Luật này.	10. “Luật Các tổ chức tín dụng” có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2014/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024, và các văn bản luật sửa đổi, bổ sung Luật này.	Chỉnh sửa văn bản áp dụng
5.	Điều 13	Khoản 13 13. “Người điều hành VAB” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh điều hành khác theo quy định về cơ cấu tổ chức của VAB.	13. “Người điều hành VAB” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB.	Sửa đổi theo Khoản 25, Điều 4, Luật các tổ chức tín dụng 2024 đồng thời sửa đổi khái niệm Người điều hành VAB.
6.	Điều 22	22. “Vốn điều lệ” là vốn đã được các cổ đông thực góp và được ghi trong Điều lệ VAB.	22. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần của VAB đã bán cho cổ đông.	Sửa đổi theo Khoản 42, Điều 4, Luật các tổ chức tín dụng 2024
7.	Điều 8	Khoản 2 2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; đ) Bao thanh toán trong nước;	2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; đ) Bao thanh toán trong nước; e) Thư tín dụng.	Điều chỉnh theo giấy phép và quy định từ Điều 107 đến điều 114 Luật các tổ chức tín dụng 2024.

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
8.	Điều 8	Khoản 4 4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: a) Cung ứng phương tiện thanh toán; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.	4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.	
9.	Điều 8	Khoản 5 5. Mở tài khoản: a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.	5. Mở tài khoản: a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác; c) Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.	
10.	Điều 8	Khoản 7 7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.	7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.	
11.	Điều 8	Khoản 11 11. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.	11. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp.	
12.	Điều 8	Khoản 16 16. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	16. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	

04

THÀNH
3
THỜI
N

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
13.	Điều 8 Khoản 19, 20		<p>19. Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản.</p> <p>20. Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng.</p>	
14.	Điều 8 Khoản 22	<p>22. Kinh doanh bất động sản theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng</p>	<p>22. Các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, quy định của Ngân hàng Nhà nước, quy định khác của pháp luật có liên quan. Hoạt động của VAB có thể được điều chỉnh theo các quy định pháp luật, quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.</p>	
15.	Điều 9 Khoản 1	<p>1. VAB chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 9.2, Điều 9.3, Điều 9.4 và Điều 9.6 của Điều lệ này và tuân thủ các giới hạn theo quy định của pháp luật để bảo đảm an toàn trong hoạt động đầu tư, góp vốn.</p>	<p>1. VAB được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 9.2, Điều 9.3, Điều 9.4 và Điều 9.6 của Điều lệ này và tuân thủ các giới hạn theo quy định của pháp luật để bảo đảm an toàn trong hoạt động đầu tư, góp vốn.</p>	
16.	Điều 9 Khoản 2	<p>2. VAB phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:</p> <p>a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;</p> <p>b) Cho thuê tài chính;</p> <p>c) Bảo hiểm.</p>	<p>2. VAB phải thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:</p> <p>a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;</p> <p>b) Cho thuê tài chính;</p> <p>c) Bảo hiểm.</p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 111 Luật các tổ chức tín dụng 2024.
17.	Điều 9 Khoản 3	<p>3. VAB được thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.</p>	<p>3. VAB được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.</p>	

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
18.	Điều 9 Khoản 4	<p>4. VAB được góp vốn, mua Cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:</p> <p>a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;</p> <p>b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.</p>	<p>4. VAB được góp vốn, mua Cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:</p> <p>a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;</p> <p>b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p>	
19.	Điều 9 Khoản 5	<p>5. Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại Điều 9.2 và Điều 9.3 và việc góp vốn, mua Cổ phần của VAB theo quy định tại Điều 9.4.b phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của NHNN.</p>	<p>5. VAB thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại Điều 9.2 và Điều 9.3 sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p>	
20.	Điều 15 Khoản 1	<p>1. VAB phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:</p> <p>a) Tỷ lệ khả năng chi trả;</p> <p>b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ;</p> <p>c) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;</p> <p>d) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;</p> <p>e) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;</p> <p>đ) Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.</p>	<p>1. VAB phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:</p> <p>a) Tỷ lệ khả năng chi trả;</p> <p>b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ;</p> <p>c) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;</p> <p>d) Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;</p> <p>e) Tỷ lệ bảo đảm an toàn khác.</p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 138 Luật các tổ chức tín dụng 2024.
21.	Điều 15 Khoản 2	<p>2. VAB khi tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.</p>	<p>2. VAB khi tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải phải ký quỹ tiền tại Ngân hàng Nhà nước, nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.</p>	

VIỆT NAM
5 AN
296

4

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
22.	Điều 15 Khoản 3	<p>3. Tổng số vốn của VAB đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của VAB dưới hình thức góp vốn, mua Cổ phần và các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua Cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán phải trừ khỏi vốn tự có khi tính các tỷ lệ an toàn.</p>	<p>3. Tổng số vốn của VAB đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của VAB dưới hình thức góp vốn, mua Cổ phần và các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua Cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán không được tính vào vốn tự có khi tính các tỷ lệ bảo đảm an toàn.</p>	
23.	Điều 16 Khoản 4	<p>4. VAB có thể có Cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi cổ tức là Cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của Cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của VAB và chỉ được trả khi VAB có lãi. Trường hợp VAB kinh doanh thua lỗ hoặc có lãi nhưng không đủ để chia cổ tức cố định thì cổ tức cố định trả cho Cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào các năm tiếp theo. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và được ghi trên cổ phiếu của Cổ phần ưu đãi cổ tức. Tổng giá trị mệnh giá của Cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa bằng 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB.</p>	<p>4. VAB có thể có Cổ phần ưu đãi là Cổ phần ưu đãi cổ tức hoặc Cổ phần ưu đãi biểu quyết. Cổ phần ưu đãi cổ tức là Cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của Cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của VAB và chỉ được trả khi VAB có lãi. Trường hợp VAB kinh doanh thua lỗ hoặc có lãi nhưng không đủ để chia cổ tức cố định thì cổ tức cố định trả cho Cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào các năm tiếp theo. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và được ghi trên cổ phiếu của Cổ phần ưu đãi cổ tức. Tổng giá trị mệnh giá của Cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa bằng 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB.</p> <p>Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý, Người điều hành khác của VAB không được mua Cổ phần ưu đãi cổ tức do VAB phát hành. Người được mua và số lượng Cổ phần ưu đãi cổ tức được mua do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 60 Luật các tổ chức tín dụng 2024.</p>

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
		<p>Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền và nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p>		
24.	Điều 17	<p>1. Một Cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% (Năm phần trăm) vốn điều lệ của VAB. 2. Một Cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% (Mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của VAB, trừ các trường hợp sau đây: a) Sở hữu cổ phần tại VAB trường hợp VAB được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sở hữu cổ phần của VAB tại công ty con, công ty liên kết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 103, khoản 3 Điều 110 của Luật Các Tổ chức tín dụng; b) Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 0.5% (không phải năm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng; 3. Cổ đông và người có liên quan của Cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB, trừ trường hợp quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều này. Cổ đông lớn của VAB và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác và ngược lại Cổ đông lớn của tổ chức tín dụng khác và người có liên quan của cổ đông đó không</p>	<p>1. Một Cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% (Năm phần trăm) vốn điều lệ của VAB. 2. Một Cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 10% (Mười phần trăm) vốn điều lệ của VAB. 3. Cổ đông và người có liên quan của Cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 15% (Mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của VAB. Cổ đông lớn của VAB và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác và ngược lại Cổ đông lớn của tổ chức tín dụng khác và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% trở lên vốn điều lệ của VAB. 4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây: a) Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Điều lệ; b) Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa; c) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều này. 5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 63 Luật các tổ chức tín dụng 2024.</p>



A

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
		<p>được sở hữu cổ phần từ 05% trở lên vốn điều lệ của VAB.</p> <p>4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại Điều 17.1, Điều 17.2 và Điều 17.3 bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua Cổ phần.</p> <p>5. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu Cổ phần quy định pháp luật.</p>	<p>này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 của Điều lệ.</p> <p>6. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu Cổ phần quy định pháp luật.</p> <p>7. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của VAB theo quy định pháp luật liên quan.</p>	
25.	Điều 21	<p>3. Cổ đông là cá nhân, Cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VAB không được chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.</p>	<p>3. Cổ đông là cá nhân, Cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại VAB là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VAB không được chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ. Người đại diện phần vốn góp quy định tại khoản này không bao gồm người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại VAB.</p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 64 Luật các tổ chức tín dụng 2024.
26.	Điều 21	<p>4. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng Cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;</p>	<p>4. Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây :</p> <p>a) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;</p>	

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
27.	Điều 25 Khoản 1	<p>b) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng Cổ phần theo quyết định của Tòa án;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng Cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>1. Ngoài các điều kiện áp dụng đối với công ty đại chúng theo quy định của pháp luật có liên quan, VAB chỉ được quyền thanh toán Cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo Điều 23 và 24 Điều lệ này nếu sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại mà vẫn đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định; trường hợp mua lại Cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của VAB thì phải được NHNN chấp thuận trước bằng văn bản.</p>	<p>b) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng Cổ phần theo theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng Cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt</p> <p>1. Ngoài các điều kiện áp dụng đối với công ty đại chúng theo quy định của pháp luật có liên quan, VAB chỉ được quyền thanh toán Cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo Điều 23 và 24 Điều lệ này nếu sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định.</p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 65 Luật các tổ chức tín dụng 2024.
28.	Điều 28 Khoản 1	<p>1. Cơ cấu tổ chức quản lý của VAB bao gồm:</p> <p>a) Đại hội đồng Cổ đông;</p> <p>b) Hội đồng Quản trị;</p> <p>c) Ban Kiểm soát;</p> <p>d) Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc</p> <p>2. Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy điều hành, nhân sự (Khóil/ Phòng/Ban/ Trung tâm Hội sở chính) với thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của</p>	<p>1. Cơ cấu tổ chức quản lý của VAB bao gồm:</p> <p>a) Đại hội đồng Cổ đông;</p> <p>b) Hội đồng Quản trị;</p> <p>c) Ban Kiểm soát;</p> <p>d) Tổng Giám đốc.</p> <p>2. Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy điều hành, nhân sự (Khóil/ Phòng/Ban/ Trung tâm Hội sở chính) với thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của</p>	Sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Điều 40 Luật các tổ chức tín dụng 2024.
29.	Điều 28 Khoản 2	<p>2. Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy điều hành, nhân sự (Khóil/ Phòng/Ban/ Trung tâm Hội sở chính) với thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của</p>	<p>2. Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy điều hành, nhân sự (Khóil/ Phòng/Ban/ Trung tâm Hội sở chính) với thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của</p>	Sử dụng thuật ngữ Trụ sở chính



Handwritten signature or initials in blue ink.

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
		VAB trong từng thời kỳ để bảo đảm hoạt động kinh doanh hiệu quả, an toàn trên cơ sở cơ cấu tổ chức quản lý đã được ĐHDCD thông qua.	VAB trong từng thời kỳ để bảo đảm hoạt động kinh doanh hiệu quả, an toàn trên cơ sở cơ cấu tổ chức quản lý đã được ĐHDCD thông qua.	
30.	Điều 28 Khoản 3	3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phải xây dựng cơ chế ủy quyền, phân công trong nội bộ Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc phù hợp với các quy định khác của pháp luật để đảm bảo việc quản trị, điều hành ngân hàng được an toàn, hiệu quả và thông suốt.	3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phải xây dựng cơ chế ủy quyền, phân công trong nội bộ Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phù hợp với các quy định khác của pháp luật để đảm bảo việc quản trị, điều hành ngân hàng được an toàn, hiệu quả và thông suốt.	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với nội dung khoản 1
31.	Điều 30 Khoản 1	1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây: a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định; mỗi Cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; b) Được nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; c) Được ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ Cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong VAB; d) Được chuyển nhượng Cổ phần cho Cổ đông khác của VAB hoặc tổ chức, cá nhân khác, bán lại Cổ phần cho VAB theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác;	1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây: a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định; mỗi Cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; b) Được nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông; c) Được ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ Cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong VAB; d) Được chuyển nhượng Cổ phần, quyền mua Cổ phần cho Cổ đông khác của VAB hoặc tổ chức, cá nhân khác, bán lại Cổ phần cho VAB theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; e) Xem, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;	Sửa đổi bổ sung theo Điều 61 Luật các tổ chức tín dụng 2024.

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
		<p>f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của VAB, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;</p> <p>g) Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin liên quan đến Cổ đông trong Danh sách Cổ đông dù tự cách tham gia Đại hội đồng Cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>h) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số Cổ phần sở hữu tại VAB khi VAB giải thể hoặc phá sản sau khi VAB đã thanh toán cho các chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>i) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình, người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;</p> <p>j) Các quyền khác theo quy định của pháp luật (nếu có);</p>	<p>f) Xem, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của VAB, số biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông ;</p> <p>g) Được chia một phần tài sản còn lại tương ứng với số Cổ phần sở hữu tại VAB khi VAB giải thể hoặc phá sản sau khi VAB đã thanh toán cho các chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>h) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;</p> <p>i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật (nếu có);</p>	
32.	Điều 30 Khoản 7	<p>7. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát với tỷ lệ như sau:</p> <p>a) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% (Mười phần trăm) đến dưới 20% (Hai mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;</p> <p>b) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% (Hai mươi phần trăm) đến dưới 30% (Ba mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;</p>	<p>7. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát với tỷ lệ như sau:</p> <p>a) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (Năm phần trăm) đến dưới 10% (Mười phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;</p> <p>b) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% (Mười phần trăm) đến dưới 30% (Ba mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;</p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 61 Luật các tổ chức tín dụng 2024.

1) VI
NH
IGÁN
ÔNG

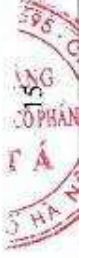
4

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
		<p>c) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% (Ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (Bốn mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;</p> <p>d) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 40% (Bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;</p> <p>e) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% (Năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (Sáu mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;</p> <p>f) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 60% (Sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (Bảy mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;</p> <p>g) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 70% (Bảy mươi phần trăm) đến dưới 80% (Tám mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;</p> <p>h) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 80% (Tám mươi phần trăm) đến dưới 90% (Chín mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên;</p>	<p>c) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% (Ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (Bốn mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;</p> <p>d) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 40% (Bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;</p> <p>e) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% (Năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (Sáu mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;</p> <p>f) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 60% (Sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (Bảy mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;</p> <p>g) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 70% (Bảy mươi phần trăm) đến dưới 80% (Tám mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;</p> <p>h) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 80% (Tám mươi phần trăm) đến dưới 90% (Chín mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên;</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 62 Luật các tổ chức tín dụng 2024.</p>
33.	Điều 31 Điểm b, d khoản 1	<p>Điều 31. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông của VAB phải thực hiện các nghĩa vụ sau:</p> <p>b) Thanh toán đủ số Cổ phần cam kết mua trong thời hạn do VAB quy định; chịu trách nhiệm về các</p>	<p>Điều 31. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông của VAB phải thực hiện các nghĩa vụ sau:</p> <p>b) Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số Cổ phần cam kết mua trong thời hạn do VAB quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VAB trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào VAB;</p>	

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
		<p>khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VAB trong phạm vi số vốn đã góp vào VAB;</p> <p>d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại VAB; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của VAB; ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của VAB; không được góp vốn, mua cổ phần của VAB dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;</p>	<p>d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại VAB; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của VAB; không được góp vốn, mua cổ phần của VAB dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;</p>	
34.	Điều 31	<p>Khoản 2</p> <p>Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số Cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; trong trường hợp VAB phát hiện các Cổ đông đó không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các Cổ phần, VAB có quyền đình chỉ quyền Cổ đông của các Cổ đông này</p>	<p>Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số Cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; trong trường hợp VAB phát hiện các Cổ đông đó không cung cấp thông tin/cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các Cổ phần, VAB có quyền đình chỉ quyền Cổ đông của các Cổ đông này</p>	
35.	Điều 33	<p>Điểm n, p, q, r khoản 1</p> <p>1. Đại hội đồng Cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:</p> <p>n) Quyết định thành lập, chuyển nhượng, giải thể và phá sản Công ty con;</p> <p>n) Quyết định thành lập, chuyển nhượng, giải thể và phá sản Công ty con;</p> <p>p) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>q) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của VAB có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của VAB</p>	<p>1. Đại hội đồng Cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:</p> <p>n) Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của VAB;</p> <p>p) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>q) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản có định của VAB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc</p>	<p>Sửa đổi bỏ sung theo Điều 67 Luật các tổ chức tín dụng 2024.</p>

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
		<p>ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>r) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VAB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của VAB, công ty con, công ty liên kết của VAB;</p>	<p>nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>r) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VAB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của VAB; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của VAB; công ty con, công ty liên kết của VAB, trừ trường hợp VAB đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc ;</p>	<p>Bổ sung theo Điều 67 Luật các tổ chức tín dụng 2024.</p> <p>Bổ sung thẩm quyền niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng để phục vụ hoạt động niêm yết trái phiếu của VAB.</p>
36.	Điều 33	<p>Chưa có</p>	<p>v) Thông qua phương án phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;</p> <p>w) Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng;</p> <p>x) Thông qua việc niêm yết phát hành trái phiếu ra công chúng;</p>	
37.	Điều 33	<p>4. Trong khoảng thời gian giữa các phiên họp Đại hội đồng Cổ đông, Đại hội đồng Cổ đông VAB có thể ủy quyền cho Hội đồng Quản trị VAB thực hiện một số nội dung công việc quy định tại Điều 33.1 và phải được ghi nhận rõ ràng trong Nghị quyết của một phiên họp Đại hội đồng Cổ đông. Các nội dung</p>	<p>4. Trong khoảng thời gian giữa các phiên họp Đại hội đồng Cổ đông, Đại hội đồng Cổ đông VAB có thể phân công, phân cấp, giao cho Hội đồng Quản trị VAB thực hiện một số nội dung công việc quy định tại Điều 33.1 và phải được ghi nhận rõ ràng trong Nghị quyết của một phiên họp Đại hội đồng Cổ đông. Các nội</p>	<p>Quy định về phân công, phân cấp, giao cho Hội đồng Quản trị VAB</p>

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
		<p>Hội đồng Quản trị thực hiện theo ủy quyền đề cập tại Điều 33.4 phải được báo cáo lại Đại hội đồng Cổ đông trong phiên họp gần nhất.</p>	<p>dung Hội đồng Quản trị thực hiện theo giao/phân công, phân cấp đề cập tại Điều 33.4 phải được báo cáo lại Đại hội đồng Cổ đông trong phiên họp gần nhất.</p>	<p>thay vì ủy quyền</p>
38.	Điều 36	<p>2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB;</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn 05 (Năm) thành viên hoặc số thành viên của HĐQT không đủ 2/3 tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này hoặc bầu bổ sung thành viên HĐQT;</p> <p>c) Số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn 03 (Ba) thành viên hoặc số thành viên không đủ 2/3 tổng số thành viên của nhiệm kỳ;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 30.2 Điều lệ này;</p> <p>e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;</p> <p>f) Theo yêu cầu của NHNN;</p> <p>g) Tình hình tài chính của VAB cho thấy VAB bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN;</p> <p>h) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và/hoặc theo quy định của pháp luật.</p>	<p>2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB;</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 50 Điều lệ;</p> <p>c) Số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 66 Điều lệ;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 30.2 Điều lệ này;</p> <p>e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;</p> <p>f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động VAB;</p> <p>g) Tình hình tài chính của VAB cho thấy VAB bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN;</p> <p>h) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và/hoặc theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 67 Luật các tổ chức tín dụng 2024.</p>



14

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
39.	Điều 36 Khoản 3	<p>3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong thời hạn 60 (Sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại Điều 36.2.b, Điều 36.2.c hoặc nhận được yêu cầu như quy định tại Điều 36.2.d và Điều 36.2.c Điều lệ này.</p>	<p>3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong thời hạn 60 (Sáu mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu như quy định tại Điều 36.2.d và Điều 36.2.c Điều lệ này. Trưởng hợp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 50 và khoản 2 Điều 66 của Điều lệ, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường để bảo đảm trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, VAB hoàn thành việc bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng.</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 67 Luật các tổ chức tín dụng 2024.</p>
40.	Điều 43 Khoản 5	<p>5. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Trừ trường hợp quy định tại Điều 43.5.b và 43.7, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số Cổ đông đại diện trên 51% (Năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;</p> <p>b) Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại Điều 33.1.b, Điều 33.1.i, Điều 33.1.o và Điều 33.1.q Điều lệ này thì phải được số Cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;</p>	<p>5. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Trừ trường hợp quy định tại Điều 43.5.b, 43.5.c và 43.7, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số Cổ đông đại diện trên 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;</p> <p>b) Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại Điều 33.1.i, Điều 33.1.q Điều lệ này thì phải được số Cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản;</p> <p>c) Đối với quyết định về nội dung quy định tại Điều 33.1.o Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 67 Luật các tổ chức tín dụng 2024.</p>

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
41.	Điều 43	Khoản 6 6. Trường hợp Cổ đông dự họp là người có liên quan (là một bên trong giao dịch, hợp đồng với VAB) không có quyền biểu quyết, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có trên 50% (Năm mươi phần trăm) hoặc trên 65% (Sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định tại Điều 43.5.a và Điều 43.5.b.	6. Trường hợp Cổ đông dự họp là người có liên quan (là một bên trong giao dịch, hợp đồng với VAB) không có quyền biểu quyết, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có trên 50% (Năm mươi phần trăm) hoặc trên 65% (Sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định tại Điều 43.5.a và Điều 43.5.b.	Sửa đổi bổ sung theo Điều 67 Luật các tổ chức tín dụng 2024.
42.	Điều 48	Khoản 1 1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 30.7 Điều lệ này	1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 30.7 Điều lệ này	Sửa đổi bổ sung theo Điều 67 Luật các tổ chức tín dụng 2024.
43.	Điều 49	Điểm a, Khoản 1 1. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ: a) Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty con của VAB: i. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; ii. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; iii. Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích; người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm	1. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ: a) Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty con của VAB: i. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; ii. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; iii. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm	Sửa đổi bổ sung theo Điều 42, 44, 55 Luật các tổ chức tín dụng 2024.

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
		<p>nghiêm trọng trở lên;</p> <p>iv. Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp 50% vốn sở hữu nhà nước trở lên, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp nhà nước tại VAB;</p> <p>v. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại VAB;</p>	<p>trọng trở lên;</p> <p>iv. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;</p> <p>v. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ;</p> <p>ví. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng;</p>	
44.	Điều 49 Điểm b, khoản 1	<p>1. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ:</p> <p>b) Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc của VAB:</p> <p>i. Thuộc đối tượng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này;</p>	<p>1. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ:</p> <p>b) Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc của VAB:</p> <p>i. Thuộc đối tượng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này;</p> <p>ii. Người thuộc đối tượng không được tham gia</p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 42, 44, 55 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
		<p>ii. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;</p> <p>iii. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, từ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;</p> <p>iv. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, từ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;</p> <p>v. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 của Luật các TC/CTD hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc ngân hàng bị thu hồi giấy</p>	<p>quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, từ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;</p> <p>iii. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;</p> <p>iv. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) của VAB, từ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 50 Điều lệ này;</p> <p>v. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi</p>	

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
		<p>phép thành lập và hoạt động;</p> <p>vi. Người có liên quan, Người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của VAB</p> <p>vii. Người có liên quan, Người có quan hệ gia đình của Chủ tịch Hội đồng quản trị VAB không được là Tổng giám đốc của VAB</p> <p>viii. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tin dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua trái phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ ngân hàng.</p>	<p>nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ ngân hàng.</p>	
45.	Điều 49 Điểm a, khoản 2	<p>2. Những trường hợp không cùng đàm nhiệm chức vụ:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng Quản trị của VAB:</p> <p>i. Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của VAB</p> <p>ii. Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của VAB hoặc là thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng đó;</p>	<p>2. Những trường hợp không cùng đàm nhiệm chức vụ:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng Quản trị không phải là thành viên độc lập của VAB không được đồng thời đàm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>i. Người điều hành của VAB, trừ trường hợp là Tổng giám đốc;</p> <p>ii. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác;</p> <p>iii. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác,</p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 43 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
46.	Điều 49	<p>Điểm b, khoản 2</p> <p>Chưa có</p>	<p>iii. Chủ tịch Hội đồng Quản trị của VAB không được đồng thời là Người điều hành của VAB và của tổ chức tin dụng khác;</p> <p>iv. Chủ tịch Hội đồng quản trị của VAB không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác;</p>	<p>Nội dung Dự thảo điều lệ 2024</p> <p>trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của VAB hoặc của công ty mẹ của VAB hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;</p> <p>iv. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của VAB và tổ chức tin dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.</p>
47.	Điều 49	<p>Điểm c, khoản 2</p>	<p>b) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>a. Người điều hành của VAB;</p> <p>b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tin dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;</p> <p>c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tin dụng khác, doanh nghiệp khác.</p> <p>c) Thành viên Ban Kiểm soát của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tin dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:</p> <p>i. Người quản lý, người điều hành VAB, tổ chức tin dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của VAB đó hoặc công ty con VAB;</p> <p>ii. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 43 Luật các tổ chức tín dụng 2024</p> <p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 43 Luật các tổ chức tín dụng 2024</p>

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
		<p>đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tại VAB;</p> <p>iii. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của tổ chức tin dụng khác.</p>	<p>Hội đồng quản trị của VAB là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.</p>	
48.	<p>Điểm d, e khoản 2</p>	<p>c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tin dụng khác, trừ trường hợp đó là công ty con của VAB.</p> <p>d) Tổng Giám đốc của VAB không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p> <p>e) Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p>	<p>d) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của VAB không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tin dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của VAB là người quản lý, người điều hành công ty con của VAB hoặc của công ty mẹ của VAB.</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 43 Luật các tổ chức tin dụng 2024</p>
49.	<p>Điều 50</p> <p>Khoản 2</p>	<p>2. Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 (Năm) thành viên và không quá 11 (Mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 01 (Một) thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị phải có ít nhất 1/2 (Một phần hai)</p>	<p>2. Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 (Năm) thành viên và không quá 11 (Mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo Điều 50, Điều 69 Luật các tổ</p>

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
		tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành VAB.	thiếu 02 thành viên độc lập, hai phân ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành VAB.	Diễn giải chức tin dụng 2024
50.	Điều 50 Khoản 3	3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một Cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 (Một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị của VAB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.	3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của VAB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.	
51.	Điều 50 Khoản 9	9. Giúp việc cho Hội đồng Quản trị có Thư ký Hội đồng Quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quy định.	9. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên có bộ phận giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc do Hội đồng quản trị, quy định.	
52.	Điều 50 Khoản 10	10. Hội đồng Quản trị phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng Quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của NHNN. Nhiệm vụ Ủy ban Nhân sự bao gồm các công việc liên quan đến chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng và nhiệm vụ khác theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng quản trị cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự. Tổ chức hoạt động của các Ủy ban trên được quy định cụ thể trong các Quy chế của VAB.	10. Hội đồng Quản trị phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng Quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo quy định của Thông đốc Ngân hàng Nhà nước. Nhiệm vụ Ủy ban Nhân sự bao gồm các công việc liên quan đến chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng và nhiệm vụ khác khác theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng quản trị cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự. Tổ chức hoạt động của các Ủy ban trên được quy định cụ thể trong các Quy chế của VAB.	

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
53.	Điều 51 Khoản 4	4. Trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. 5. Quyết định sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của VAB theo quy định của pháp luật.	4. Trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông. Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động, ngành nghề kinh doanh của VAB theo quy định của pháp luật trên cơ sở phê duyệt chủ trương của Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi bổ sung theo Điều 70 Luật các tổ chức tín dụng 2024.
54.	Điều 51 Khoản 5	6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng Quản trị, và Người quản lý, Người điều hành khác theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.	6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.	
55.	Điều 51 Khoản 6	7. Thông qua phương án góp vốn, mua Cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	7. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phân vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phân vốn góp có giá trị dưới 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	
56.	Điều 51 Khoản 7	8. Quyết định cử người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.	8. Quyết định cử người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.	
57.	Điều 51 Khoản 8	8. Quyết định cử người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.	8. Quyết định cử người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác. Hội đồng quản trị có thể phân cấp/phân quyền/giao lại đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.	

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
58.	Điều 51 Khoản 9	<p>9. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của VAB như sau:</p> <p>a) Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của VAB từ 10% (Mười phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của VAB quy định tại Điều 33.1.q Điều lệ này.</p> <p>b) Các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản khác của VAB không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ này. Hội đồng quản trị có thể phân cấp/phân quyền/ủy quyền lại việc quyết định các giao dịch này đảm bảo tuân thủ Khoản 11 Điều lệ này và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.</p>	<p>9. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của VAB như sau:</p> <p>a) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của VAB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b) Các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản khác của VAB không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ này. Hội đồng quản trị có thể phân cấp/phân quyền/ủy quyền lại việc quyết định các giao dịch này đảm bảo tuân thủ Khoản 11 Điều lệ này và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.</p>	
59.	Điều 51 Khoản 10	<p>10. Quyết định các khoản cấp tín dụng như sau:</p> <p>a) Các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Điều 127.3 và Điều 128.7 của Luật Các tổ chức tín dụng.</p> <p>b) Các khoản cấp tín dụng khác không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ này. Hội đồng quản trị có thể phân cấp/phân quyền/ủy quyền lại việc phê duyệt cấp tín dụng trong trường hợp này đảm bảo phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.</p>	<p>10. Quyết định các khoản cấp tín dụng như sau:</p> <p>a) Các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các tổ chức tín dụng trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b) Các khoản cấp tín dụng khác không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ này. Hội đồng quản trị có thể phân cấp/phân quyền/ủy quyền lại việc phê duyệt cấp tín dụng trong trường hợp này đảm bảo phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.</p>	

14

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
60.	Điều 51	Khoản 11	11. Thông qua các hợp đồng của VAB với công ty con, công ty liên kết của VAB; các hợp đồng của VAB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.	11. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VAB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của VAB; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của VAB; công ty con, công ty liên kết của VAB.
61.	Điều 51	Bổ sung	13. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty con; phê chuẩn Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty con; cử người đại diện theo ủy quyền của VAB tại Công ty con; các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ sở hữu đối với Công ty con được quy định tại Điều lệ này, các Quy chế của Hội đồng Quản trị ban hành từng thời kỳ và/hoặc Điều lệ công ty con.	
62.	Điều 51	Khoản 19	19. Quyết định giá chào bán Cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của VAB	19. Quyết định giá chào bán Cổ phần và trái phiếu chuyển đổi ra công chúng của VAB trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao/ủy quyền.
63.	Điều 51	Khoản 27	27. Trừ các hợp đồng phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu mua, bán, sáp nhập công ty và liên doanh)	27. Trừ các hợp đồng phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của VAB (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu mua công ty và liên doanh)

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
64.	Điều 51	28. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của ngân hàng trên cơ sở định hướng phát triển đã được ĐHDCD thông qua.	28. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của ngân hàng.	
65.	Điều 51	Khoản 35, 36 Chưa có	35. Quyết định phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, trái phiếu ra công chúng, trừ phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền của ĐHDCD. 36. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	
66.	Điều 51	Khoản 38	38. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB (nếu có).	Bổ nội dung ủy quyền
67.	Điều 51	Khoản 37 Chưa có	37. Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung nội dung này để HĐQT được thực hiện các công việc mà ĐHDCD phân công, phân cấp, giao thực hiện.
68.	Điều 52	Khoản 1	1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị.	Sửa đổi bổ sung theo Điều 71 Luật các tổ chức tín dụng 2024
		1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.		

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
69.	Điều 52 Khoản 2	2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị.	2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.	
70.	Điều 52 Khoản 3	3. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị.	3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.	
71.	Điều 52 Khoản 5	5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông	5. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông	
72.	Điều 53 Khoản 1	1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và một cách trung thực vì lợi ích của VAB và Cổ đông.	1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực cần trọng, vì lợi ích của VAB và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.	Sửa đổi bổ sung theo Điều 72 Luật các tổ chức tín dụng 2024
73.	Điều 53 Khoản 11	Chưa có	11. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 4, 6, 7, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 21 và 36 Điều 51 của Điều lệ.	
74.	Điều 55 Khoản 1	1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau đây: a) Có đủ năng lực hành vi dân sự; b) Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị	1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau đây: a) Có đủ năng lực hành vi dân sự; b) Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này, quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối	

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
		<p>cảm quản lý Ngân hàng theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>c) Có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết pháp luật;</p> <p>d) Là cá nhân có bằng đại học trở lên;</p> <p>e) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</p> <p>f) Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 (năm) công ty khác.</p>	<p>tương bị cảm quản lý Ngân hàng theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>c) Có sức khỏe và hiểu biết pháp luật; có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>d) Có trình độ từ đại học trở lên ;</p> <p>e) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</p>	
75.	Điều 55 Khoản 2	<p>2. Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại Điều 55.1 phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập như sau:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho VAB hoặc công ty con của VAB hoặc đã làm việc cho VAB trong 03 (Ba) năm liền kể trước đó;</p> <p>b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của VAB ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;</p>	<p>3. Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại Điều 55.1 phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập như sau:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho VAB hoặc công ty con của VAB hoặc đã làm việc cho VAB hoặc công ty con của VAB trong 03 (Ba) năm liền kể trước đó;</p> <p>b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của VAB ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này</p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 41 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
		<p>c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của VAB, Người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của VAB hoặc công ty con của VAB;</p> <p>d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 01% (Một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB; không cùng người có liên quan sở hữu từ 05% (Năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB;</p> <p>e) Không phải là Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VAB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (Năm) năm liền kề trước đó.</p>	<p>là Cổ đông lớn của VAB, Người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của VAB hoặc công ty con của VAB;</p> <p>d) Không đại diện sở hữu cổ phần của VAB; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ VAB;</p> <p>e) Không phải là Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VAB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (Năm) năm liền kề trước đó.</p>	
76.	Điều 56 Khoản 1	<p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;</p> <p>b) Vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 49 Điều lệ này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;</p> <p>c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của VAB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;</p> <p>d) Khi có quyết định của Tòa án trực xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;</p> <p>e) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>f) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép hoạt động;</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Chết;</p> <p>b) Vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 49 Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;</p> <p>c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của VAB khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;</p> <p>d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;</p> <p>e) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>f) VAB bị thu hồi giấy phép;</p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 45 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
77.	Điều 56	Điểm e, khoản 2 2. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp: c) Không đảm bảo tính độc lập đối với thành viên Hội đồng Quản trị độc lập;	2. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp: e) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại Điều 55, Điều 43, Điều 49 của Điều lệ này;	Sửa đổi bổ sung theo Điều 46 Luật các tổ chức tín dụng 2024
78.	Điều 56	Khoản 4 4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của VAB thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, VAB phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.	4. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Khoản 2 Điều 50 Điều lệ này thì trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, VAB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng.	Sửa đổi bổ sung theo Điều 60 Luật các tổ chức tín dụng 2024
79.	Điều 58	Khoản 11 Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.	Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, lấy ý kiến thông qua phần mềm/ ứng dụng khác theo quy bộ và/hoặc các phần mềm/ ứng dụng khác theo quy định của VAB từng thời kỳ và đảm bảo theo đúng quy định pháp luật. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Sửa đổi bổ sung để Hội đồng Quản trị có các phương án lựa chọn cách thức quyết định phù hợp trong từng thời kỳ.
80.	Điều 64	Điểm c, d Khoản 1 1. Tổng Giám đốc VAB phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: c) Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; Có ít nhất 05 (Năm) năm làm người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 (Năm) năm làm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám	1. Tổng Giám đốc VAB phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: c) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc	Sửa đổi bổ sung theo Điều 41 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải	
81.	Điều 64	Điểm c, khoản 2	<p>đốc (Phó Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 (Mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>d) Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết luật pháp;</p> <p>2. Phó Tổng Giám đốc VAB phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm hoặc có trình độ đại học trở lên ngoài các chuyên ngành, lĩnh vực nêu trên nhưng có ít nhất 03 (Ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.</p>	<p>(Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>d) Có sức khỏe, hiểu biết luật pháp; Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thông đốc Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>2. Phó Tổng Giám đốc VAB phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>c) Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.</p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 46 Luật các tổ chức tín dụng 2024
82.	Điều 66	Khoản 1	<p>1. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.</p>	<p>1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 51 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
83.	Điều 66 Khoản 2, khoản 3	<p>2. Ban Kiểm soát của VAB có tối thiểu 03 (Ba) thành viên trong đó phải có ít nhất 1/2 (Một phần hai) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách; không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại VAB hoặc doanh nghiệp khác.</p> <p>Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của VAB và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của VAB. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.</p> <p>3. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của VAB, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.</p>	<p>2. Ban Kiểm soát của VAB có tối thiểu 05 thành viên.</p> <p>3. Ban Kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.</p>	
84.	Điều 66 Khoản 5	<p>5. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát không đủ 2/3 (Hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ này thì trong thời hạn 60 (Sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, VAB phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát mới chưa được bầu thì thành viên Ban</p>	<p>5. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, tổ chức tín dụng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm</p>	

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
		Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.	kỹ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.	
85.	Điều 67 Khoản 1	1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ VAB trong quản trị, điều hành VAB; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.	1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành VAB trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ của VAB.	
86.	Điều 67 Khoản 4	4. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành VAB để thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành VAB, có quyền sử dụng các nguồn lực của VAB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.	4. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành VAB, có quyền sử dụng các nguồn lực của VAB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.	Sửa đổi bổ sung theo Điều 52 Luật các tổ chức tín dụng 2024
87.	Điều 67 Khoản 5	5. Thẩm định báo cáo tài chính 06 (Sáu) tháng đầu năm và hàng năm của VAB, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cân trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.	5. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (Sáu) tháng đầu năm và hàng năm của VAB, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cân trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.	

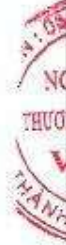
STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
		<p>của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.</p>		
88.	Điều 67	<p>Khoản 6</p>	<p>6. Kiểm tra số kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết cần nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Cổ đông lớn hoặc nhóm Cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.</p>	<p>6. Kiểm tra số kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Cổ đông lớn hoặc nhóm Cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.</p>
89.	Điều 67	<p>Khoản 7</p>	<p>7. Kịp thời thông báo cho Hội đồng Quản trị khi phát hiện Người quản lý VAB có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).</p>	<p>7. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành VAB có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của VAB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có)</p>

14



STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
90.	Điều 67	Khoản 8 Lập danh sách Cổ đông sáng lập, Cổ đông lớn, những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VAB, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.	8. Lập danh sách Cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của VAB, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.	
91.	Điều 67	Khoản 15, 16, 17 Chưa có	15. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của VAB thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hàng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 16. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật các tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng. 17. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 7, 10, 16 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.	
92.	Điều 68	Khoản 1,2, 10 Tọa cuộc họp Ban Kiểm soát	1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Điều 67 Điều lệ này và chịu trách nhiệm về thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. 2. Triệu tập và chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.	Sửa đổi bổ sung theo Điều 53 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
93.	Điều 69	Khoản 1 1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của VAB và Cổ đông.	10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt. 1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của VAB và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.	10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
94.	Điều 69	Khoản 2 2. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát.	2. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 73 của Luật các tổ chức tín dụng.	Sửa đổi bổ sung theo Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng 2024
95.	Điều 69	Khoản 5 5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của VAB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.	5. Được quyền yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của VAB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.	
96.	Điều 69	Khoản 8 Chưa có	8. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành VAB.	



14

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
97.	Điều 79 Khoản 1 – Khoản 6	<p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của VAB phải công khai với VAB các thông tin sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, Cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% (Năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên;</p> <p>b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.</p> <p>2. Việc công khai thông tin quy định tại Điều 79.1 và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>3. Việc công khai thông tin quy định tại Điều 79.1 phải được thông báo định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng Cổ đông và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của VAB. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của VAB phải công khai với VAB các thông tin sau đây:</p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên ;</p> <p>b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);</p> <p>c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;</p> <p>d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</p> <p>2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB phải cung cấp cho tổ chức tin dụng các thông tin sau đây:</p> <p>a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người</p>	Sửa đổi bổ sung theo Điều 49 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
	<p>4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của VAB đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về VAB.</p> <p>5. VAB phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin công khai theo quy định Điều 79.1 này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày VAB nhận được thông tin công khai theo quy định tại Điều 79.2 này.</p> <p>6. Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau¹:</p> <p>a) Các giao dịch giữa VAB với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>b) Các giao dịch giữa VAB, công ty con, công ty khác do VAB nắm quyền kiểm soát trên 50%</p>	<p>nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;</p> <p>b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại VAB;</p> <p>d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại VAB.</p> <p>3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải gửi VAB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho VAB khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB so với lần cung cấp liên trước.</p> <p>4. VAB phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của VAB và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VAB nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hàng năm, VAB công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của VAB.</p>		

¹ Khoản 2 Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

4

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
		<p>trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật và theo quy định tại 77.3 Điều lệ này</p>	<p>5. VAB phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của VAB trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VAB nhận được thông tin cung cấp.</p> <p>6. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.</p> <p>7. Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Các giao dịch giữa VAB với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>b) Các giao dịch giữa VAB, công ty con, công ty khác do VAB nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật và theo quy định tại 77.3 Điều lệ này</p>	

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
98.	Điều 103	Chưa có	<p>Điều 103 Xây dựng phương án khác phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm</p> <p>1. VAB phải xây dựng phương án khác phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Phương án khác phục quy định tại khoản 1 Điều này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thông qua.</p> <p>3. Định kỳ ít nhất 02 năm, VAB cập nhật, điều chỉnh phương án khác phục quy định tại khoản 1 Điều này. Phương án sau cập nhật, điều chỉnh phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thông qua.</p>	Bổ sung theo Điều 143 Luật các tổ chức tín dụng 2024
99.	Điều 104	Chưa có	<p>Điều 104. Các trường hợp VAB có thể bị áp dụng can thiệp sớm</p> <p>1. Số lỗ lũy kế của VAB lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ, vốn được cấp và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Luật các tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>3. Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 138 của Luật các tổ chức tín dụng trong thời gian 30 ngày liên tục;</p>	Bổ sung theo Điều 156 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
			<p>4. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Luật các tổ chức tín dụng trong thời gian 06 tháng liên tục;</p> <p>5. Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước.</p>	
100.	Điều 105	Chưa có	<p>Điều 105. Chấm dứt can thiệp sớm</p> <p>VAB chấm dứt can thiệp sớm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt việc thực hiện văn bản yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 156 của Luật các tổ chức tín dụng khi VAB khác phục được tình trạng dẫn đến thực hiện can thiệp sớm theo quy định tại khoản 1 Điều 156 của Luật các tổ chức tín dụng và có văn bản báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận sáp nhập, hợp nhất VAB với tổ chức tín dụng khác theo quy định tại Điều 201 của Luật các tổ chức tín dụng;</p> <p>3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định giải thể, phá sản VAB theo quy định của pháp luật;</p> <p>4. Ngân hàng Nhà nước có quyết định đặt VAB vào kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 162 của Luật các tổ chức tín dụng.</p>	Bổ sung theo Điều 161 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
101.	Điều 106	Chưa có	<p>Điều 106. Xử lý trong trường hợp bị rút tiền hàng loạt</p> <p>1. Khi bị rút tiền hàng loạt, VAB phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước và thực hiện ngay các biện pháp sau đây:</p> <p>a) Không chia cổ tức bằng tiền mặt; tạm dừng hoặc hạn chế các hoạt động cấp tín dụng và các hoạt động khác có sử dụng nguồn tiền của VAB; các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu chi trả tiền gửi cho khách hàng;</p> <p>b) Thực hiện các biện pháp tại phương án khác phục trong tình huống bị rút tiền hàng loạt theo phương án khác phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm; cập nhật, điều chỉnh phương án trong trường hợp cần thiết.</p> <p>2. Trường hợp VAB đang được can thiệp sớm bị rút tiền hàng loạt, VAB đó phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước về tình trạng rút tiền hàng loạt và rà soát, đánh giá lại thực trạng để xây dựng, điều chỉnh phương án khác phục theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng.</p> <p>3. VAB được áp dụng biện pháp hỗ trợ sau đây khi bị rút tiền hàng loạt:</p> <p>a) Bán giấy tờ có giá cho Ngân hàng Nhà nước trên nghiệp vụ thị trường mở với lãi suất 0%;</p> <p>b) Thực hiện giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước để bảo đảm thanh khoản theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>c) Vay đặc biệt từ Ngân hàng Nhà nước; vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp</p>	Bổ sung theo Điều 191 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
			<p>luật về bảo hiểm tiền gửi; vay đặc biệt từ tổ chức tín dụng khác.</p>	
102.	<p>Điều 107</p> <p>Khoản 1 – Khoản 4</p>	<p>Điều 104. Các trường hợp VAB có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt</p> <ol style="list-style-type: none"> Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Số lỗ lũy kế của VAB lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định của pháp luật trong thời gian 12 (Mười hai) tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn 4% (Bốn phần trăm) trong thời gian 06 (Sáu) tháng liên tục. Xếp hạng yếu kém trong 02 năm liên tục theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. 	<p>Điều 107. Các trường hợp VAB có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt</p> <ol style="list-style-type: none"> VAB được can thiệp sớm nhưng không có phương án khắc phục gửi Ngân hàng Nhà nước hoặc không điều chỉnh phương án khắc phục theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước; Trong thời hạn thực hiện phương án khắc phục, VAB được can thiệp sớm nhưng không có khả năng thực hiện phương án khắc phục; Hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà VAB không khắc phục được tình trạng dẫn đến thực hiện can thiệp sớm; Bị rút tiền hàng loạt và có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống tổ chức tín dụng; Tỷ lệ an toàn vốn của tổ chức tín dụng thấp hơn 04% trong thời gian 06 tháng liên tục; VAB bị giải thể không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ trong quá trình thanh lý tài sản 	<p>Bổ sung theo Điều 162 Luật các tổ chức tín dụng 2024</p>
103.	<p>Điều khoản thi hành</p>	<p>Người quản lý, Người điều hành và các chức danh khác của VAB đã được bầu, bổ nhiệm trước ngày 15/01/2018 mà không đáp ứng quy định của Điều lệ này và Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 17/2017/QH14 được tiếp tục đàm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn bổ nhiệm.</p>	<p>Bổ nội dung này</p>	<p>Chuyển tiếp từ quy định Luật các TCTD năm 2017, nhiệm kỳ Người quản lý, Người điều hành của VAB</p>

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
104.			<p>4. Quy định chuyển tiếp:</p> <p>a) Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của VAB được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại Điều 49 và 55 Điều lệ VAB, Điều 41, 42 và 43 Luật các tổ chức tín dụng 2024 được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.</p> <p>b) Hội đồng quản trị của VAB được bầu trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 50 của Điều lệ VAB, khoản 1 và khoản 3 Điều 69 Luật các tổ chức tín dụng 2024 này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</p> <p>c) Ban kiểm soát của VAB có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 66 Điều lệ này, khoản 2 Điều 51 Luật các tổ chức tín dụng được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, trưởng hợp VAB bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>Diễn giải cũng từ 2023 nên đề xuất bỏ nội dung này.</p> <p>Dự thảo điều khoản chuyển tiếp dựa theo Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng 2024.</p>



STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ 2023	Nội dung Dự thảo điều lệ 2024	Diễn giải
			<p>d) Cổ đông, cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều lệ này được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định của Điều lệ này, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu.</p> <p>5. Điều lệ này được Đại hội đồng Cổ đông phiên họp thường niên năm 2024 của Ngân hàng TMCP Việt Á thông qua ngày .../04/2024 và ban hành theo Nghị quyết số .../2024/NQ-HĐQT ngày.../.../2024 của Hội đồng Quản trị. Điều lệ này có hiệu lực vào ngày 01/07/2024. Các bản Điều lệ trước đây của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á hết hiệu lực từ 01/07/2024 trừ việc thực hiện các quy định chuyển tiếp theo quy định tại Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024.”</p>	

Các nội dung chỉnh sửa khác chi tiết theo Dự thảo Điều lệ 2024 đính kèm.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á
VIETNAM - ASIA COMMERCIAL JOINT STOCK BANK



VIET A BANK

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

NĂM 2024

MỤC LỤC

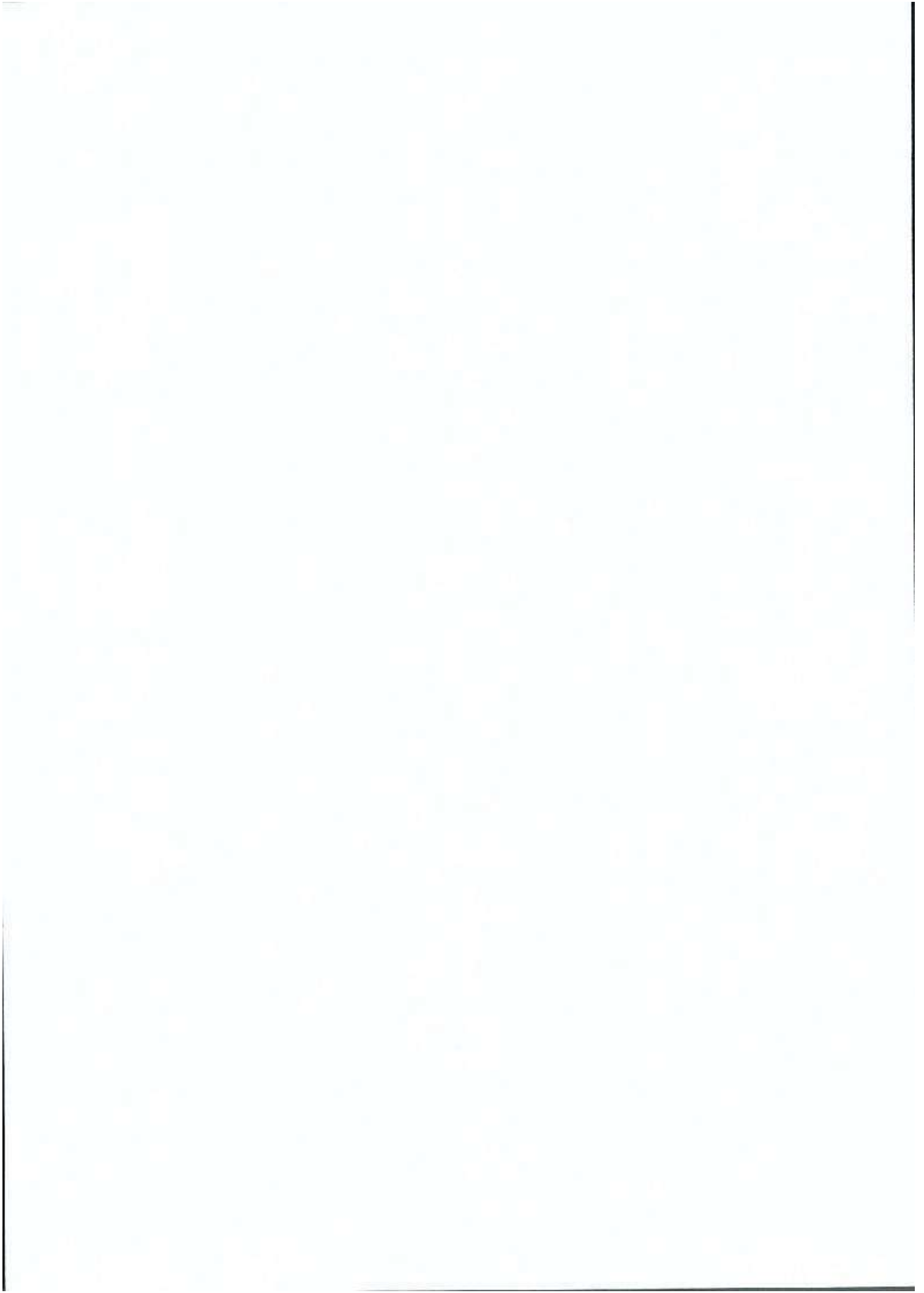
Điều 1.	Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ.....	2
Điều 2.	Áp dụng dẫn chiếu.....	3
Điều 3.	Tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB.....	4
Điều 4.	Thời hạn hoạt động.....	4
Điều 5.	Người đại diện theo pháp luật của VAB.....	4
Điều 6.	Hình thức hoạt động.....	5
Điều 7.	Mục tiêu hoạt động.....	5
Điều 8.	Nội dung và phạm vi hoạt động.....	5
Điều 9.	Góp vốn, mua Cổ phần.....	7
Điều 10.	Bảo đảm an toàn trong hoạt động.....	8
Điều 11.	Vốn điều lệ của VAB.....	8
Điều 12.	Thay đổi Vốn điều lệ.....	8
Điều 13.	Vốn hoạt động của VAB.....	9
Điều 14.	Sử dụng vốn, tài sản.....	9
Điều 15.	Tỷ lệ bảo đảm an toàn.....	10
Điều 16.	Các loại Cổ phần.....	10
Điều 17.	Tỷ lệ sở hữu Cổ phần.....	11
Điều 18.	Cổ phiếu.....	12
Điều 19.	Chứng chỉ chứng khoán khác.....	13
Điều 20.	Chào bán Cổ phần.....	13
Điều 21.	Chuyển nhượng Cổ phần.....	13
Điều 22.	Thu hồi Cổ phần.....	14
Điều 23.	Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông.....	15
Điều 24.	Mua lại Cổ phần theo quyết định của VAB.....	15
Điều 25.	Điều kiện thanh toán và xử lý các Cổ phần được mua lại.....	16
Điều 26.	Thừa kế Cổ phần.....	16
Điều 27.	Phát hành trái phiếu.....	17
Điều 28.	Cơ cấu tổ chức quản lý.....	17
Điều 29.	Đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông.....	18
Điều 30.	Quyền của Cổ đông.....	19
Điều 31.	Nghĩa vụ của Cổ đông VAB.....	22
Điều 32.	Đại hội đồng Cổ đông.....	23
Điều 33.	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông.....	23

Điều 34.	Các đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 35.	Thay đổi các quyền.....	27
Điều 36.	Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.....	27
Điều 37.	Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.....	29
Điều 38.	Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông.....	29
Điều 39.	Mời họp Đại hội đồng Cổ đông.....	30
Điều 40.	Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.....	31
Điều 41.	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.....	32
Điều 42.	Thế thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.....	32
Điều 43.	Thế thức biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	34
Điều 44.	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	36
Điều 45.	Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông.....	37
Điều 46.	Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	38
Điều 47.	Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.....	39
Điều 48.	Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.....	39
Điều 49.	Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ.....	40
Điều 50.	Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị.....	43
Điều 51.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị.....	44
Điều 52.	Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	47
Điều 53.	Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	48
Điều 54.	Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị.....	49
Điều 55.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị.....	49
Điều 56.	Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Hội đồng Quản trị....	50
Điều 57.	Người phụ trách quản trị VAB.....	51
Điều 58.	Hoạt động Hội đồng Quản trị.....	52
Điều 59.	Biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	54
Điều 60.	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.....	55
Điều 61.	Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc.....	56
Điều 62.	Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	57
Điều 63.	Tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc.....	58
Điều 64.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc.....	58
Điều 65.	Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	59
Điều 66.	Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát.....	60
Điều 67.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.....	60

Điều 68.	Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.....	62
Điều 69.	Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.....	63
Điều 70.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.....	63
Điều 71.	Tiền lương và các quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát.....	64
Điều 72.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát.....	64
Điều 73.	Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	64
Điều 74.	Cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Kiểm soát.....	66
Điều 75.	Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát.....	68
Điều 76.	Trách nhiệm cẩn trọng.....	68
Điều 77.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	68
Điều 78.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	69
Điều 79.	Công khai lợi ích khác.....	70
Điều 80.	Quyền và nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành VAB.....	71
Điều 81.	Giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận.....	72
Điều 82.	Quyền tiếp cận thông tin, kiểm tra sổ sách và hồ sơ.....	73
Điều 83.	Người lao động và công đoàn.....	74
Điều 84.	Trả cổ tức.....	75
Điều 85.	Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	76
Điều 86.	Trích lập các quỹ.....	76
Điều 87.	Tài khoản ngân hàng.....	77
Điều 88.	Chế độ tài chính.....	77
Điều 89.	Năm tài chính.....	77
Điều 90.	Hệ thống kế toán.....	77
Điều 91.	Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	77
Điều 92.	Báo cáo thường niên.....	78
Điều 93.	Báo cáo.....	78
Điều 94.	Công khai báo cáo tài chính.....	78
Điều 95.	Thông tin.....	79
Điều 96.	Bảo mật thông tin.....	79
Điều 97.	Kiểm toán độc lập.....	79
Điều 98.	Bộ phận kiểm toán nội bộ.....	80
Điều 99.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh của kiểm toán nội bộ.....	80
Điều 100.	Thiết lập và duy trì hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.....	80
Điều 101.	Bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách.....	81
Điều 102.	Con dấu.....	81
Điều 103.	Xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.....	82

Điều 104.	Các trường hợp VAB có thể bị áp dụng can thiệp sớm.....	82
Điều 105.	Chấm dứt can thiệp sớm.....	82
Điều 106.	Báo cáo về trường hợp bị rút tiền hàng loạt.....	82
Điều 107.	Các trường hợp VAB có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt.....	83
Điều 108.	Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc khi VAB trong tình trạng kiểm soát đặc biệt.....	83
Điều 109.	Khoản vay đặc biệt.....	84
Điều 110.	Chấm dứt kiểm soát đặc biệt.....	84
Điều 111.	Giải thể và chấm dứt hoạt động.....	84
Điều 112.	Gia hạn hoạt động.....	85
Điều 113.	Thanh lý.....	85
Điều 114.	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	86
Điều 115.	Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.....	86
Điều 116.	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	87
Điều 117.	Điều khoản thi hành.....	87

A



ĐIỀU LỆ
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á là ngân hàng thương mại cổ phần được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật nhằm mục tiêu lợi nhuận theo quy định của pháp luật, phục vụ nhân dân và các thành phần kinh tế, góp phần phát triển kinh tế của Việt Nam.

Điều lệ này bao gồm 22 Chương, 117 Điều, soạn thảo và ban hành theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, quy định của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và các quy định khác có liên quan, phù hợp với hoạt động của VAB.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số/2024/NQ – ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông VAB tại phiên họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông VAB tổ chức ngày/04/2024 và ban hành theo Nghị quyết số/2024/NQ-HDQT ngày...../.../2024 của Hội đồng Quản trị. Điều lệ này có hiệu lực vào ngày 01/07/2024. Các phụ lục và các văn bản sửa đổi Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.



CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ

1. **“VAB”** nghĩa là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á.
2. **“Cổ đông”** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một Cổ phần đã phát hành của VAB.
3. **“Cổ đông lớn”** là Cổ đông của VAB sở hữu từ 05% (Năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
4. **“Cổ đông sáng lập”** là cổ đông góp vốn thành lập tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản điều lệ tổ chức và hoạt động đầu tiên của VAB.
5. **“Cổ phần”** là Vốn điều lệ của VAB được chia thành các phần bằng nhau, mỗi phần có giá trị là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).
6. **“Cổ phiếu”** là chứng chỉ do VAB phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần của VAB. Cổ phiếu của VAB có thể là cổ phiếu ghi tên hay cổ phiếu không ghi tên theo quy định của Điều lệ này.
7. **“Cổ tức”** là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi Cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của VAB sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.
8. **“Công ty con”** của VAB là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) VAB hoặc VAB và người có liên quan của VAB sở hữu trên 50% (Năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (Năm mươi phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;
 - b) VAB có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty con;
 - c) VAB có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con.
 - d) VAB hoặc VAB và người có liên quan của VAB trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.
9. **“Công ty liên kết”** của VAB là Công ty mà VAB hoặc VAB và người có liên quan của VAB sở hữu trên 11% (Mười một phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 11% (Mười một phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của VAB.
10. **“Luật Các tổ chức tín dụng”** có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2014/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2014, và các văn bản luật sửa đổi, bổ sung Luật này.
11. **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản luật sửa đổi, bổ sung Luật này.

12. **“Người có liên quan”** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hiện hành.
13. **“Người điều hành VAB”** bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB.
14. **“Người quản lý VAB”** bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh tương đương khác của VAB.
15. **“NHNN”** là chữ viết tắt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
16. **“Pháp luật”** có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định, thông tư, quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.
17. **“Sổ đăng ký Cổ đông”** là một tài liệu bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc bằng cả hai hình thức là văn bản và dữ liệu điện tử có chứa các nội dung chủ yếu theo quy định của NHNN và các quy định pháp luật khác có liên quan.
18. **“Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị”** là thành viên của Hội đồng Quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và tại Điều lệ này.
19. **“Thời hạn hoạt động”** có nghĩa là khoảng thời gian mà VAB được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho đến khi VAB chấm dứt hoạt động theo các quy định pháp luật có liên quan. VAB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định bằng văn bản của Đại hội đồng Cổ đông và sự chấp thuận bằng văn bản của NHNN.
20. **“Tổ chức lại”** là việc VAB bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản”.
21. **“Việt Nam”** có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
22. **“Vốn điều lệ”** là tổng mệnh giá cổ phần của VAB đã bán cho cổ đông.
23. **“Giấy tờ pháp lý của cá nhân”** là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
24. **“Giấy tờ pháp lý của tổ chức”** là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

Điều 2. Áp dụng dẫn chiếu

1. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản, quy định sửa đổi, bổ sung hoặc các văn bản pháp luật khác thay thế các quy định, văn bản pháp luật được dẫn chiếu.
2. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II
TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ,
THỜI HẠN, HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA VAB

Điều 3. Tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB

1. Tên của Ngân hàng:

- a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á.
- b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Việt Á.
- c) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank.
- d) Tên viết tắt bằng tiếng Anh: VAB.
- e) Tên nhận diện thương hiệu đã được bảo hộ: VIETABANK

2. Trụ sở chính của VAB:

Địa chỉ: Tầng 4 và 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 đường Chu Văn An, phường Yết Kiêu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (024) 39 333 636 Fax: (024) 39 336 426

Website: www.vietabank.com.vn

- 3. VAB có quyền chuyển một hoặc một số bộ phận không giao dịch trực tiếp với khách hàng thuộc trụ sở chính sang địa điểm khác nằm ngoài trụ sở chính phù hợp với các điều kiện theo quy định của pháp luật.
- 4. VAB được thành lập Chi nhánh, Phòng Giao dịch, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trong và ngoài nước để thực hiện các nội dung và phạm vi hoạt động của VAB.
- 5. VAB được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết trong và ngoài nước để hoạt động trong các lĩnh vực theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện các mục tiêu của VAB phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.

Điều 4. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của VAB là 99 (Chín mươi chín) năm kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. VAB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phải được NHNN chấp thuận.

Điều 5. Người đại diện theo pháp luật của VAB

VAB có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng Quản trị.¹

¹ Điều 11.1 Luật các TCTD năm 2024.

Người đại diện theo pháp luật của VAB phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là Người quản lý, Người điều hành của VAB đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình².

Điều 6. Hình thức hoạt động

1. VAB thuộc loại hình Ngân hàng thương mại được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định của Pháp luật.
2. VAB có con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN.
3. VAB áp dụng Bảng cân đối kế toán và trích lập các Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 7. Mục tiêu hoạt động

1. Mục tiêu của VAB là trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam với chất lượng dịch vụ hoàn hảo dựa trên hệ thống công nghệ hiện đại, lực lượng nhân sự có trình độ chuyên môn cao, tạo ra mức lợi nhuận cao nhất cho các Cổ đông, tạo việc làm ổn định và ngày càng phát triển cho người lao động, đóng góp tích cực cho ngân sách Nhà nước, cho sự phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam và lợi ích của cộng đồng xã hội.
2. Lĩnh vực kinh doanh của VAB là hoạt động tài chính, ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.
3. Định vị thương hiệu VIETABANK - Đồng hành cùng khát vọng.

Điều 8. Nội dung và phạm vi hoạt động³

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - đ) Bao thanh toán trong nước;
 - e) Thư tín dụng.
3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
4. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
5. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:

² Điều 11.2 Luật các TCTD năm 2024.

³ Từ Điều 107 đến Điều 114 Luật các TCTD năm 2024.

- a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
6. Mở tài khoản:
- a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
 - c) Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
7. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
8. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
9. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
10. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
11. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp.
12. Dịch vụ môi giới tiền tệ.
13. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
14. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
15. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
16. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
17. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
18. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
19. Cung ứng các dịch vụ chuyên tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản.
20. Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng.
21. Kinh doanh mua, bán vàng miếng.

22. Mua nợ.
23. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
24. Ví điện tử.
25. Các hoạt động khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, quy định của Ngân hàng Nhà nước, quy định khác của pháp luật có liên quan. Hoạt động của VAB có thể được điều chỉnh theo các quy định pháp luật, quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

Điều 9. Góp vốn, mua Cổ phần⁴

1. VAB được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 9.2, Điều 9.3, Điều 9.4 và Điều 9.6 của Điều lệ này và tuân thủ các giới hạn theo quy định của pháp luật để bảo đảm an toàn trong hoạt động đầu tư, góp vốn.
2. VAB phải thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
 - a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
 - b) Cho thuê tài chính;
 - c) Bảo hiểm.
3. VAB được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. VAB được góp vốn, mua Cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
5. VAB thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại Điều 9.2 và Điều 9.3 sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
6. Điều kiện, thủ tục và trình tự thành lập công ty con, công ty liên kết của VAB thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
7. VAB, công ty con của VAB được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của NIINN.
8. VAB không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông của chính VAB.

⁴ Điều 111 Luật các TCTD năm 2024.

- Hội đồng Quản trị được quyền ban hành quy định cụ thể hóa các nội dung liên quan đến góp vốn, mua Cổ phần, đầu tư ra ngoài VAB quy định tại Điều này, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật có liên quan và điều kiện thực tế của VAB.

Điều 10. Bảo đảm an toàn trong hoạt động

Trong quá trình hoạt động, VAB phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương VI Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN, thực hiện phân loại tài sản “Có” và trích lập dự phòng để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

PHƯƠNG THỨC GÓP, TẶNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 11. Vốn điều lệ của VAB

- Vốn điều lệ của VAB là: 5.399.600.430.000 đồng (Năm nghìn ba trăm chín mươi chín tỷ sáu trăm triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Tổng vốn điều lệ của VAB được chia thành 539.960.043 Cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/một Cổ phần.
- Vốn điều lệ của VAB đã được các Cổ đông thực góp như ghi trong Điều lệ này của VAB.
- Vốn điều lệ của VAB được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
- Trong quá trình hoạt động, VAB phải đảm bảo duy trì mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, VAB phải công bố công khai số vốn điều lệ mới.

Điều 12. Thay đổi Vốn điều lệ

- Việc thay đổi Vốn điều lệ của VAB phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Văn bản chấp thuận việc thay đổi mức vốn điều lệ của VAB có hiệu lực trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký. Trường hợp việc tăng vốn điều lệ chưa hoàn tất trong thời hạn cho phép, nếu Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thay đổi phương án tăng vốn điều lệ đã được NHNN chấp thuận, văn bản trên hết hiệu lực pháp lý.
- Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN.
- Sau khi đã hoàn tất việc thay đổi mức Vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước, VAB phải có văn bản báo cáo NHNN (qua Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng) về kết quả thực hiện thay đổi mức vốn điều lệ.
- Vốn điều lệ của VAB có thể được tăng từ các nguồn sau:
 - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
 - Quỹ thặng dư vốn Cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
 - Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;

- d) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
 - e) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.
5. VAB có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau:
- a) VAB mua lại và hủy bỏ số lượng Cổ phần có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm;
 - b) VAB thu hồi và hủy bỏ số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến điều chỉnh giảm;
 - c) Các hình thức khác phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 13. Vốn hoạt động của VAB⁵

1. Vốn chủ sở hữu bao gồm:
 - a) Vốn điều lệ;
 - b) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;
 - c) Thặng dư vốn cổ phần;
 - d) Các quỹ: quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính;
 - e) Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;
 - f) Vốn khác thuộc sở hữu hợp pháp của VAB.
2. Vốn huy động bao gồm:
 - a) Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân;
 - b) Vốn vay các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong và ngoài nước;
 - c) Vốn vay NHNN;
 - d) Vốn huy động thông qua phát hành các giấy tờ có giá;
 - e) Vốn nhận ủy thác đầu tư.
3. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Sử dụng vốn, tài sản⁶

1. VAB được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.
2. VAB sử dụng vốn hoạt động để kinh doanh theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật khác có liên quan, đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn.
3. VAB được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn

⁵ Điều 4 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với TCTD, chi nhánh NHNN và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại TCTD do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD có vốn nhà nước.

⁶ Điều 6 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với TCTD, chi nhánh NHNN và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại TCTD do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD có vốn nhà nước

điều lệ ghi trên sổ sách kế toán. VAB phải chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh của VAB được thực hiện theo quy định nội bộ của VAB và quy định pháp luật.

Điều 15. Tỷ lệ bảo đảm an toàn⁷

1. VAB phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:
 - a) Tỷ lệ khả năng chi trả;
 - b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ;
 - c) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;
 - d) Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;
 - e) Tỷ lệ bảo đảm an toàn khác.
2. VAB khi tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải phải ký quỹ tiền tại Ngân hàng Nhà nước, nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.
3. Tổng số vốn của VAB đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của VAB dưới hình thức góp vốn, mua Cổ phần và các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua Cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán không được tính vào vốn tự có khi tính các tỷ lệ bảo đảm an toàn.

CHƯƠNG V

CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 16. Các loại Cổ phần⁸

1. Mỗi Cổ phần của VAB có mệnh giá là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng). Số lượng Cổ phần của VAB bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.
2. Toàn bộ Cổ phần của VAB vào ngày thông qua Điều lệ này là Cổ phần phổ thông.
3. VAB có Cổ phần phổ thông. Người sở hữu Cổ phần phổ thông là Cổ đông phổ thông.
4. VAB có thể có Cổ phần ưu đãi là Cổ phần ưu đãi cổ tức hoặc Cổ phần ưu đãi biểu quyết. Cổ phần ưu đãi cổ tức là Cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của Cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của VAB và chỉ được trả khi VAB có lãi. Trường hợp VAB kinh doanh thua lỗ hoặc có lãi nhưng không đủ để chia cổ

⁷ Điều 138 Luật các TCTD 2024

⁸ Điều 60 Luật các TCTD 2024.

tức cố định thì cổ tức cố định trả cho Cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào các năm tiếp theo. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thường do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và được ghi trên cổ phiếu của Cổ phần ưu đãi cổ tức. Tổng giá trị mệnh giá của Cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa bằng 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB.

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý, Người điều hành khác của VAB không được mua Cổ phần ưu đãi cổ tức do VAB phát hành. Người được mua và số lượng Cổ phần ưu đãi cổ tức được mua do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền và nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành Cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành Cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
6. VAB luôn bảo đảm duy trì tối thiểu 100 (Một trăm) Cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp VAB được kiểm soát đặc biệt đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc quy định của pháp luật.
7. VAB có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo trình tự và thủ tục phù hợp với các quy định của pháp luật.
8. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua Cổ phần của VAB theo hướng dẫn của NHNN và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Tỷ lệ sở hữu Cổ phần⁹

1. Một Cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% (Năm phần trăm) vốn điều lệ của VAB.
2. Một Cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 10% (Mười phần trăm) vốn điều lệ của VAB.
3. Cổ đông và người có liên quan của Cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 15% (Mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của VAB. Cổ đông lớn của VAB và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác và ngược lại Cổ đông lớn của tổ chức tín dụng khác và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% trở lên vốn điều lệ của VAB.
4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:
 - a) Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Điều lệ;
 - b) Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;
 - c) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều này.

⁹ Điều 63 Luật các TCTD năm 2024;

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 của Điều lệ.
6. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu Cổ phần quy định pháp luật.
7. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của VAB theo quy định pháp luật liên quan.

Điều 18. Cổ phiếu¹⁰

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do VAB phát hành hoặc là bút toán ghi sổ hoặc là dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần của VAB. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây¹¹:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB, mã số doanh nghiệp;
 - b) Số lượng Cổ phần và loại Cổ phần;
 - c) Mệnh giá mỗi Cổ phần và tổng mệnh giá số Cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của Cổ đông là cá nhân. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của Cổ đông là tổ chức;
 - e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của VAB;
 - f) Số đăng ký tại sổ đăng ký Cổ đông của VAB và ngày phát hành cổ phiếu;
 - g) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của Cổ phần ưu đãi.
2. Quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu VAB không bị ảnh hưởng trong trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu phát hành do lỗi của VAB. Người đại diện theo pháp luật của VAB chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót nêu trên gây ra cho VAB.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì Cổ đông được VAB cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của Cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin Cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác.
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
4. Cổ phiếu của VAB không được sử dụng để làm tài sản bảo đảm tại chính VAB.
5. Trường hợp VAB phát hành cổ phiếu mới để tăng vốn điều lệ, VAB thực hiện phát hành cổ phiếu cho các Cổ đông chưa lưu ký.

¹⁰ Điều 121 Luật Doanh nghiệp năm 2020,;

¹¹ Điều 121 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Điều 19. Chứng chỉ chứng khoán khác¹²

Chứng chỉ chứng khoán của VAB được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật, con dấu của VAB và các yếu tố khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chào bán Cổ phần¹³

1. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán Cổ phần trong số Cổ phần được quyền bán. Giá bán Cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị sổ sách của Cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a) Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ đông sáng lập;
 - b) Cổ phần bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở VAB;
 - c) Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bao lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, trừ trường hợp Điều lệ VAB quy định khác.
2. Trường hợp VAB phát hành thêm Cổ phần phổ thông và bán số Cổ phần đó cho tất cả Cổ đông phổ thông theo tỷ lệ Cổ phần hiện có của Cổ đông tại VAB thì trình tự thủ tục chào bán thực hiện theo quy định của pháp luật và VAB từng thời kỳ.
3. Trường hợp số lượng Cổ phần dự định phát hành không được Cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số Cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng Quản trị quản lý. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số Cổ phần đó cho Cổ đông của VAB hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác hoặc Cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán.
4. Cổ phần của VAB được coi là đã bán khi được người mua thanh toán đủ tiền mua và những thông tin về người mua quy định tại Điều 29.2 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký Cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người mua Cổ phần trở thành Cổ đông của VAB. Cổ đông chỉ được công nhận chính thức khi được ghi nhận trong sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của VAB do Tổng Công ty tư ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD) quản lý và cung cấp tại từng thời điểm cụ thể.

Điều 21. Chuyển nhượng Cổ phần¹⁴

1. Tất cả các Cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.
2. Việc chuyển nhượng Cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng, Giấy tờ chuyển nhượng Cổ phần phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số Cổ phần trong cổ phiếu

¹² Điều 8 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹³ Điều 124 và 126 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

¹⁴ Điều 64 Luật các TCTD năm 2024; Điều 127 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và VAB phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số Cổ phần đã chuyển nhượng và số Cổ phần còn lại. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Cổ đông là cá nhân, Cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại VAB là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VAB không được chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

Người đại diện phần vốn góp quy định tại khoản này không bao gồm người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại VAB.

4. Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây :

- a) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
- b) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng Cổ phần theo theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
- c) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng Cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

5. Trường hợp chuyển nhượng Cổ phần của Cổ đông lớn, chuyển nhượng Cổ phần dẫn đến Cổ đông lớn trở thành Cổ đông thường và ngược lại phải được sự chấp thuận bằng văn bản của NHNN trước khi chuyển nhượng¹⁵.

6. Việc chuyển nhượng Cổ phần của VAB thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 22. Thu hồi Cổ phần¹⁶

1. Trường hợp Cổ đông thanh toán không đầy đủ và không đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo bằng văn bản và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của VAB phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho VAB theo quy định của VAB.
2. Thông báo thanh toán nêu tại Điều 22.1 phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (Bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số Cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

¹⁵ Điều 31.1.đ Luật các TCTD năm 2024;

¹⁶ Điều 10 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi số Cổ phần đó. Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các Cổ phần bị thu hồi theo quy định tại Điều 22.4, Điều 22.5 và Điều 22.6 và các trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu Cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ Cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những Cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của VAB phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ Cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 23. Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông¹⁷

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại VAB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ VAB có quyền yêu cầu VAB mua lại Cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VAB mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VAB trong thời hạn 10 (Mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại Điều này.
2. VAB phải mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại Điều này với giá do Hội đồng Quản trị quyết định trong thời hạn 90 (Chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. VAB giới thiệu ít nhất 3 (Ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
3. VAB mua lại cổ phiếu của Người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của VAB, mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn của chủ sở hữu.

Điều 24. Mua lại Cổ phần theo quyết định của VAB¹⁸

VAB có quyền mua lại không quá 30% (Ba mươi phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (Mười phần trăm) tổng số Cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 (Mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại Cổ phần do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

¹⁷ Điều 132 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

¹⁸ Điều 133 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

2. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại Cổ phần. Đối với Cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điều 24.3. Đối với Cổ phần loại khác, nếu Điều lệ VAB không quy định hoặc VAB và Cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
3. VAB có thể mua lại Cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ Cổ phần của họ trong VAB. Trường hợp này, quyết định mua lại Cổ phần của VAB phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB, tổng số Cổ phần và loại Cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán Cổ phần của họ cho VAB.

Cổ đông đồng ý bán lại Cổ phần phải gửi văn bản chào bán Cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ Trụ sở chính của VAB trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý cá nhân của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ liên lạc của Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần sở hữu và số Cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. VAB chỉ mua lại Cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 25. Điều kiện thanh toán và xử lý các Cổ phần được mua lại¹⁹

1. Ngoài các điều kiện áp dụng đối với công ty đại chúng theo quy định của pháp luật có liên quan, VAB chỉ được quyền thanh toán Cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo Điều 23 và 24 Điều lệ này nếu sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định.
2. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi Cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với VAB.
3. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều này được coi là Cổ phần chưa bán. VAB phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các Cổ phần được VAB mua lại trong thời hạn 10 (Mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại Cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
4. Sau khi thanh toán hết số Cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của VAB giảm hơn 10% (Mười phần trăm) thì VAB phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số Cổ phần mua lại.

Điều 26. Thừa kế Cổ phần

1. Việc thừa kế Cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, Bộ luật Dân sự, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

¹⁹ Điều 134 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 65 Luật các TCTD năm 2024.

2. Sau khi thực hiện xong tất cả các thủ tục thừa kế và xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh tư cách thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại VAB. Trên cơ sở hồ sơ nhận được, VAB thực hiện đăng ký thông tin người thừa kế tại Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của VAB tại VSD. Người thừa kế trở thành cổ đông của VAB tại ngày VSD ghi nhận vào danh sách cổ đông, được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ của Cổ đông tính trên số Cổ phần mà họ được thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật khác có liên quan.
3. Người thừa kế Cổ phần của Cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác không đương nhiên được thừa kế quyền nắm giữ các chức danh đó.

Điều 27. Phát hành trái phiếu

1. VAB có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB.
2. Đại hội đồng Cổ đông có thẩm quyền thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành trái phiếu kèm chứng quyền.
3. Hội đồng Quản trị có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu trừ phương án trái phiếu thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Khoản 2, Điều này.

CHƯƠNG VI

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 28. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của VAB bao gồm:
 - a) Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Hội đồng Quản trị;
 - c) Ban Kiểm soát;
 - d) Tổng Giám đốc.
2. Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy điều hành, nhân sự (Khởi/ Phòng/Ban/ Trung tâm tại Trụ sở chính) với thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của VAB trong từng thời kỳ để bảo đảm hoạt động kinh doanh hiệu quả, an toàn trên cơ sở cơ cấu tổ chức quản lý đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phải xây dựng cơ chế ủy quyền, phân công trong nội bộ Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phù hợp với các quy định khác của pháp luật để đảm bảo việc quản trị, điều hành ngân hàng được an toàn, hiệu quả và thông suốt.

CHƯƠNG VII CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 29. Đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông²⁰

1. VAB phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký Cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký Cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán:

- a) VAB đã thực hiện đăng ký lưu ký tập trung đối với danh sách người sở hữu chứng khoán của Ngân hàng với VSD từ thời điểm đăng ký giao dịch theo quy định của Luật Chứng khoán. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
 - b) Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán có các nội dung theo quy định của VSD trong từng thời kỳ.
 - c) Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán được quản lý, theo dõi, cập nhật tập trung bởi VSD. Các danh sách bản cứng, bản mềm được cung cấp tại các thời điểm theo yêu cầu của VAB được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của Cổ đông VAB trong danh sách Cổ đông này.
 - d) Trường hợp Cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với VAB hoặc các tổ chức có chức năng cập nhật để đăng ký cập nhật với VSD. VAB không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với Cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của Cổ đông.
 - e) VAB phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong danh sách Cổ đông theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan theo quy định của VSD tại từng thời kỳ.
2. Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB;
 - b) Tổng số Cổ phần được quyền chào bán, loại Cổ phần được quyền chào bán và số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Tổng số Cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn Cổ phần đã góp;
 - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức;
 - e) Số lượng Cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký Cổ phần.
3. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB hoặc tổ chức khác có chức năng lưu giữ Sổ đăng ký. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ

²⁰ Điều 122 Luật Doanh nghiệp năm 2020

liên lạc của cổ đông trong sổ đăng ký Cổ đông trong giờ làm việc của VAB hoặc tổ chức khác có chức năng lưu giữ Sổ đăng ký.

4. Xác lập danh sách Cổ đông:
 - a) VAB quy định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các Cổ đông được hưởng các quyền của Cổ đông và phải đảm bảo Cổ đông có đủ thời gian để đăng ký những thay đổi về bản thân và số cổ phần mà mình sở hữu với VAB trước thời điểm nói trên;
 - b) Các giao dịch chuyển nhượng Cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt danh sách Cổ đông đến ngày quyền của Cổ đông được thực hiện thì người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác về việc dự họp Đại hội đồng Cổ đông.
5. VAB phải cập nhật kịp thời thay đổi Cổ đông trong sổ đăng ký Cổ đông theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan.

Điều 30. Quyền của Cổ đông²¹

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
 - a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định; mỗi Cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Được nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Được ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ Cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong VAB;
 - d) Được chuyển nhượng Cổ phần, quyền mua Cổ phần cho Cổ đông khác của VAB hoặc tổ chức, cá nhân khác, bán lại Cổ phần cho VAB theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - e) Xem, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của VAB, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Được chia một phần tài sản còn lại tương ứng với số Cổ phần sở hữu tại VAB khi VAB giải thể hoặc phá sản sau khi VAB đã thanh toán cho các chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;
 - i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật (nếu có);
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (Năm phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có thêm các quyền sau đây:

²¹ Điều 115,116,117 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 61 Luật các TCTD năm 2024.

- a) Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các quyết định, nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của VAB;
 - b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp quy định tại Điều 30.3 này;
 - c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của VAB; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 30.2 có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b) Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá 06 (Sáu) tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế.
4. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng Cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của VAB, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
5. Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây²²:
- a) Nhận cổ tức với mức theo quy định tại Điều lệ này;
 - b) Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số Cổ phần góp vốn vào VAB, sau khi VAB đã thanh toán hết các khoản nợ, Cổ phần ưu đãi hoàn lại khi VAB giải thể hoặc phá sản;
 - c) Các quyền khác như Cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng Cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
 - d) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành

²² Điều 117.2 và Điều 117.3 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

hoặc được các Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình, tổ chức là cổ đông có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền.; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số Cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến VAB và chỉ có hiệu lực kể từ ngày VAB nhận được văn bản. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày trong quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông;
 - b) Số lượng Cổ phần, loại Cổ phần và ngày đăng ký Cổ đông tại VAB
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của người đại diện theo ủy quyền;
 - d) Số Cổ phần được ủy quyền đại diện;
 - e) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;
 - f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.

7. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát với tỷ lệ như sau:
 - a) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (Năm phần trăm) đến dưới 10% (Mười phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
 - b) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% (Mười phần trăm) đến dưới 30% (Ba mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
 - c) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% (Ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (Bốn mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
 - d) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 40% (Bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
 - e) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% (Năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (Sáu mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
 - f) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 60% (Sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (Bảy mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
 - g) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 70% (Bảy mươi phần trăm) đến dưới 80% (Tám mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;

- h) Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 80% (Tám mươi phần trăm) đến dưới 90% (Chín mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên;

Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; danh sách ứng cử viên phải được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông gửi tới Hội đồng Quản trị theo thời hạn trong thông báo yêu cầu đề cử, ứng cử của Hội đồng Quản trị gửi đến trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông. Thời hạn lấy ý kiến các Cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 31. Nghĩa vụ của Cổ đông VAB

1. Cổ đông của VAB phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

- a) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- b) Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số Cổ phần cam kết mua trong thời hạn do VAB quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VAB trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào VAB;
- c) Không được rút vốn đã góp bằng Cổ phần phổ thông ra khỏi VAB dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của VAB, trừ trường hợp được VAB hoặc người khác mua lại Cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Điều 31.1 thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong VAB phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VAB trong phạm vi giá trị Cổ phần đã bị rút và các thiệt hại đã xảy ra;
- d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại VAB; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của VAB; không được góp vốn, mua cổ phần của VAB dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
- e) Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của VAB;
- f) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
- g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- h) Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm khi nhân danh VAB dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với VAB.
- i) Bảo mật các thông tin được VAB cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số Cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; trong trường hợp VAB phát hiện các Cổ đông đó không cung cấp thông tin/cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các Cổ phần, VAB có quyền đình chỉ quyền Cổ đông của các Cổ đông này²³.

Điều 32. Đại hội đồng Cổ đông²⁴

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VAB.
2. Đại hội đồng Cổ đông hoạt động qua phiên họp thường niên, phiên họp bất thường và lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
3. Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (Bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ diễn ra khi đảm bảo số lượng tối thiểu cổ đông tham dự theo quy định tại Điều 41 Điều Lệ này.
5. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông chỉ có giá trị khi được cổ đông hoặc người được ủy quyền thông qua theo tỷ lệ quy định tại Điều 43 Điều Lệ này.
6. Địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông được xác định tại nơi chủ tọa tham dự họp và phải trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông²⁵

1. Đại hội đồng Cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của VAB theo đề xuất của Hội đồng Quản trị;
 - b) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ VAB;

²³ Điều 62 Luật các TCTD năm 2024.

²⁴ Điều 139 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

²⁵ Điều 138 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 67 Luật các TCTD năm 2024.



- c) Thông qua quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
- d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;
- e) Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
- f) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- g) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho VAB và cổ đông của VAB;
- h) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của VAB;
- i) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới của từng loại cổ phần;
- j) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;
- k) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;
- l) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của VAB;
- m) Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện quyền hạn nhiệm vụ được giao;
- n) Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của VAB;
- o) Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản VAB;
- p) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- q) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của VAB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- r) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VAB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của VAB; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của VAB; công ty con,

- công ty liên kết của VAB, trừ trường hợp VAB đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;
- s) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của VAB;
 - t) Phê duyệt Quy chế Quản trị nội bộ của VAB;
 - u) Thảo luận và thông qua kế hoạch kinh doanh hàng năm của VAB trên cơ sở báo cáo của Hội đồng Quản trị;
 - v) Thông qua phương án phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;
 - w) Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng;
 - x) Thông qua việc niêm yết phát hành trái phiếu ra công chúng;
 - y) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a) Các hợp đồng quy định tại Điều 33.1 này khi Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b) Việc mua Cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông.
4. Trong khoảng thời gian giữa các phiên họp Đại hội đồng Cổ đông, Đại hội đồng Cổ đông VAB có thể phân công, phân cấp, giao cho Hội đồng Quản trị VAB thực hiện một số nội dung công việc quy định tại Điều 33.1 và phải được ghi nhận rõ ràng trong Nghị quyết của một phiên họp Đại hội đồng Cổ đông. Các nội dung Hội đồng Quản trị thực hiện theo thực hiện theo phân công, phân cấp, giao nhiệm vụ đề cập tại Điều 33.4 phải được báo cáo lại Đại hội đồng Cổ đông trong phiên họp gần nhất.
5. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 34. Các đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông²⁶

1. Các Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Người được ủy quyền phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật. Nguyên tắc ủy quyền được áp dụng như sau:

²⁶ Điều 16 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

- a) Người được ủy quyền dự họp được ủy quyền lại bằng văn bản cho người thứ ba nếu được người ủy quyền đồng ý; văn bản ủy quyền lại phải có nội dung như văn bản ủy quyền lần đầu.
 - b) Người được ủy quyền hoặc người được ủy quyền lại không được ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát với tư cách của chính mình.
 - c) Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện, trường hợp không xác định rõ số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
 - d) Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông chỉ được ủy quyền cho 01 người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền:
- a) Trường hợp Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.
 - b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với VAB).
 4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trừ các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp VAB nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 35. Thay đổi các quyền²⁷

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua..
Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản
Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại Cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (Hai) Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (Một phần ba) giá trị mệnh giá của các Cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (Ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số Cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ Cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi Cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 41, 42 và 43 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành Cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại Cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của VAB không bị thay đổi khi VAB phát hành thêm các Cổ phần cùng loại.

Điều 36. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông²⁸

1. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên để thảo luận, thông qua các vấn đề theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB;
 - b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 50 Điều lệ;
 - c) Số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 66 Điều lệ;
 - d) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 30.2 Điều lệ này;

²⁷ Điều 17 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

²⁸ Điều 67.2 Luật các TCTD năm 2024; Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020;



- e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của VAB²⁹;
 - g) Tình hình tài chính của VAB cho thấy VAB bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN;
 - h) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và/hoặc theo quy định của pháp luật.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong thời hạn 60 (Sáu mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu như quy định tại Điều 36.2.d và Điều 36.2.e Điều lệ này.

Trường hợp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 50 và khoản 2 Điều 66 của Điều lệ, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường để bảo đảm trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, VAB hoàn thành việc bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng.

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VAB.

4. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 36.3 thì trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VAB.

5. Trường hợp Ban Kiểm soát cũng không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 36.4 thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 30.2 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

6. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông; cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông; lập chương trình và nội dung cuộc họp; chuẩn bị tài liệu; dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; xác định thời gian và địa điểm họp; gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này; Công việc khác phục vụ cuộc họp.

²⁹ Điều 67.2 Luật các TCTD năm 2024.

7. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 36.3, Điều 36.4 và Điều 36.5 sẽ được VAB hoàn lại.

Điều 37. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông³⁰

1. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký Cổ đông của VAB. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không quá 10 (Mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng Cổ đông. VAB phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.³¹
2. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký Cổ đông của từng Cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên và địa chỉ liên lạc của Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông. Người quản lý VAB phải cung cấp kịp thời thông tin số đăng ký Cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của Cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin số đăng ký Cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký Cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB.

Điều 38. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông³²

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách Cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp;
 - b) Xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội;
 - c) Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông đến các Cổ đông có quyền dự họp;
 - d) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

³⁰ Điều 141 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

³¹ Điều 18 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC

³² Điều 142 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 18 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 30.2 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến VAB chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần của Cổ đông, số và ngày đăng ký Cổ đông tại VAB, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 38.2 nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 38.2 Điều này;
 - b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất 5% (Năm phần trăm) tổng cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 30.2 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - d) Vấn đề kiến nghị đòi hỏi phải có thời gian chuẩn bị hoặc cần có cơ sở giải quyết mà Đại hội đồng Cổ đông không thể đáp ứng ngay tại phiên họp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điều 38.2 vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 38.3; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.
5. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 39. Mời họp Đại hội đồng Cổ đông³³

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ đông có quyền dự họp trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (Hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận, biểu quyết tại Đại hội, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp,....

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp được công bố trên website của VAB để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; Phiếu biểu quyết; Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2. VAB công bố thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông trên website của VAB và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của VAB niêm yết hoặc

³³ Điều 143 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

đăng ký giao dịch, và đồng thời, thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, cụ thể:

- a) Đối với các Cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi đến tổ chức lưu ký, VAB;
 - b) Đối với các Cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho VAB bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp Cổ đông là người làm việc trong VAB, thông báo có thể được đặt trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.
3. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của VAB; tên, địa chỉ liên lạc của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông; thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Điều 40. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông³⁴

1. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng Cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:
 - a) Trực tiếp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 (Một) ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, Trưởng Ban Kiểm phiếu của Đại hội đồng Cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của Cổ đông đó;
 - c) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp Cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Điều 30.6 Điều lệ này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng Cổ đông.
 - d) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (theo thông báo mời họp của người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông).
2. Trường hợp Cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông thì người nhận chuyển nhượng chỉ có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số Cổ phần đã chuyển nhượng khi VAB đã thực hiện xong thủ tục xác nhận việc chuyển nhượng Cổ phần và ghi tên người nhận chuyển nhượng vào Sổ đăng ký Cổ đông.
3. Trường hợp Cổ đông là pháp nhân mới tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) có quyền kế thừa cổ phần hợp pháp thì Cổ đông này gửi cho VAB các văn bản pháp lý chứng minh quyền kế thừa để VAB thực hiện các thủ tục

³⁴ Điều 144 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

xác định Cổ đông, cổ phần và người có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.

4. VAB có thể áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 41. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông³⁵

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện như Khoản 41.1 trong vòng 30 (Ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, người triệu tập hủy bỏ cuộc họp và thông báo Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi thông báo mời họp lần hai trong vòng 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% (Ba mươi ba phần trăm) Cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết người triệu tập hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được gửi thông báo mời họp lần ba trong vòng 20 (Hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 39 Điều lệ này.

Điều 42. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông³⁶

1. Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để báo cáo hoạt động và trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
2. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, VAB phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
3. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Chủ tọa không có trách

³⁵ Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 19 Điều lệ mẫu cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC;

³⁶ Điều 146 Luật doanh nghiệp năm 2020; Điều 20 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm Chủ tọa; trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị được ủy quyền hoặc các thành viên Hội đồng Quản trị có mặt sẽ bầu ra một người trong số họ nguyên tắc đa số để làm Chủ tọa của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Trường hợp không bầu được Chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp. Người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa được Đại hội đồng Cổ đông bầu ra để cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc.
7. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp Đại hội đồng Cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng Cổ đông nếu nhận thấy rằng:
 - a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức cuộc họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Hành vi của những người có mặt gây rối, mất trật tự hoặc có khả năng làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - d) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của cuộc họp được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa cuộc họp có thể hoãn cuộc họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (Ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp. Cuộc họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp bị trì hoãn trước đó.
8. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại Điều 42.7 Điều lệ này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
9. Chủ tọa của cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

10. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Chủ tọa có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia cuộc họp.

11. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:

- a) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- b) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp;
- c) Bố trí chỗ ngồi cho mọi người tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp Giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

Điều 43. Thẻ thức biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông³⁷

1. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và/hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, VAB sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền, mã vạch của Cổ đông (nếu có) và số Phiếu biểu quyết của Cổ đông đó cho một vấn đề hoặc nhóm vấn đề cần biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số thẻ tán thành nghị quyết được đếm trước, số thẻ không tán thành nghị quyết và số phiếu không có ý kiến được đếm sau và cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu tán thành, phản đối hoặc không có ý kiến không hợp lệ đối với từng vấn đề. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, phiếu không hợp lệ và không có ý kiến đối với từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo trước khi bế mạc phiên họp.
4. Quyết định về các vấn đề quy định tại các Điều 33.1.a, Điều 33.1.d, Điều 33.1.g và Điều 33.1.o. Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
5. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây³⁸:

³⁷ Điều 146 và 147 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 59.3.a Luật các TCTD năm 2010.

³⁸ Điều 67 Luật các TCTD năm 2024;

- a) Trừ trường hợp quy định tại Điều 43.5.b, 43.5.c và 43.7, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số Cổ đông đại diện trên 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
 - b) Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại Điều 33.1.i, Điều 33.1.q Điều lệ này thì phải được số Cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản;
 - c) Đối với quyết định về nội dung quy định tại Điều 33.1.o Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
6. Trường hợp Cổ đông dự họp là người có liên quan (là một bên trong giao dịch, hợp đồng với VAB) không có quyền biểu quyết, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có trên 50% (Năm mươi phần trăm) hoặc trên 65% (Sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định tại Điều 43.5.a và Điều 43.5.b.
7. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần trong tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của Điều lệ này.
8. Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện 100% (Một trăm phần trăm) số vốn Cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng Cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng Cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.
9. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hoặc chưa đồng ý kiến. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua³⁹ hoặc nghị quyết sẽ được thông báo bằng cách đăng tải lên trang thông tin điện tử của VAB.

³⁹ Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Điều 44. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông⁴⁰

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB, trừ các trường hợp quy định tại Điều 33.1.a, Điều 33.1.d, Điều 33.1.g và Điều 33.1.o Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của VAB. Danh sách này được lập không quá 10 (Mười) ngày trước ngày gửi Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo⁴¹.

Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú (hoặc địa chỉ liên lạc khác mà Cổ đông đã đăng ký trước với VAB) của từng Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (Mười) ngày trước ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của VAB;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về VAB phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến gửi về VAB phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về VAB sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

⁴⁰ Điều 149 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 22 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

⁴¹ Điều 141.1 và Điều 149.2 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý VAB. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ thông qua biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và của các thành viên trong Ban Kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và các thành viên trong Ban Kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VAB.
- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước⁴².
- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB.
- Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận; trừ trường hợp lấy ý kiến đối với vấn đề tại Điều 33.1.b, Điều 33.1.i và Điều 33.1.q Điều lệ này thì trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông⁴³.

Điều 45. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông⁴⁴

- Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của VAB và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

⁴² Điều 68 Luật các TCTD năm 2024.

⁴³ Điều 22.8 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

⁴⁴ Điều 150 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chủ tọa và Thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số Cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
- h) Các nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
4. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến tất cả Cổ đông trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VAB.
5. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB.

Điều 46. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông⁴⁵

1. Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.

⁴⁵ Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020;

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước⁴⁶.
3. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông theo quy định tại Điều 30.2 Điều lệ này yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác hoặc sẽ được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua bằng 100% (Một trăm phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 47. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông⁴⁷

1. Trong thời hạn 90 (Chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, nhóm Cổ đông theo quy định tại Điều 30.2 Điều lệ, có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp được quy định tại Điều 47.2.
2. Các trường hợp có quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông:
 - a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định Đại hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB, trừ trường hợp quy định tại Điều 46.4 Điều lệ này;
 - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ VAB.

CHƯƠNG VIII

**QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Điều 48. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc⁴⁸

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 30.7 Điều lệ này

⁴⁶ Điều 68 Luật các TCTD năm 2024;

⁴⁷ Điều 151 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 24 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

⁴⁸ Điều 44 Luật các TCTD năm 2024;

2. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông tối thiểu khoảng thời gian bằng thời hạn gửi Danh sách đề cử ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho NHNN cộng với thời hạn lấy ý kiến cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật, Hội đồng Quản trị VAB phải thông báo cho các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; trong đó dự kiến số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập; đồng thời thông báo thời hạn gửi danh sách ứng cử viên, các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các Cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.
3. Trên cơ sở danh sách đề cử của các Cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên đối với các chức danh dự kiến bầu và gửi NHNN. Trường hợp các Cổ đông không đề cử đủ số lượng, ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng Quản trị độc lập), thành viên Ban Kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
4. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo điều kiện theo quy định, Hội đồng Quản trị thông báo cho Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do.
5. Đại hội đồng Cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được bầu và tiến hành bầu những người có tên trong Danh sách ứng cử viên đã được NHNN chấp thuận tại Điều 48.2. VAB có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng Quản trị khác.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bắt đầu thực hiện nhiệm vụ kể từ khi Đại hội đồng Cổ đông bầu vào các chức danh này. Các thành viên trên tiếp quản công việc; phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đương nhiệm.
7. Trong thời hạn tối đa 10 (Mười) ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông bầu các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát, VAB phải có văn bản thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu vào các chức danh nêu trên⁴⁹.
8. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm. Hội đồng Quản trị phải có văn bản thông báo cho NHNN người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc trong thời hạn 10 (Mười) ngày làm việc, kể từ ngày bổ nhiệm⁵⁰.

Điều 49. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ⁵¹

1. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ:
 - a) Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty con của VAB:

⁴⁹ Điều 44 Luật các TCTD năm 2024;

⁵⁰ Điều 55.1 và Điều 44 Luật các TCTD năm 2024;

⁵¹ Điều 42, 43 Luật các TCTD năm 2024.

- i. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - ii. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
 - iii. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - iv. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
 - v. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ;
 - vi. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng;
- b) Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc của VAB:
- i. Thuộc đối tượng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này;
 - ii. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;
 - iii. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
 - iv. Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) của VAB, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 50 Điều lệ này;
 - v. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng,

chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ ngân hàng.

- c) Cha mẹ (gồm cả cha, mẹ nuôi), vợ, chồng, con (gồm cả con nuôi), anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc người phụ trách tài chính của VAB.
2. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ:
- a) Thành viên Hội đồng Quản trị không phải là thành viên độc lập của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
- i. Người điều hành của VAB, trừ trường hợp là Tổng giám đốc;
 - ii. Kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác;
 - iii. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của VAB hoặc của công ty mẹ của VAB hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
 - iv. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát của VAB và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
- b) Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
- i. Người điều hành của VAB;
 - ii. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
 - iii. Kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
- c) Thành viên Ban Kiểm soát của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:
- i. Người quản lý, người điều hành VAB, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của VAB đó hoặc công ty con VAB;
 - ii. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị của VAB là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.
- d) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của VAB không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của VAB là người quản lý, người điều hành công ty con của VAB hoặc công ty mẹ